

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU MB

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024
(đã được soát xét)



WE ARE AN INDEPENDENT MEMBER OF
THE GLOBAL ADVISORY
AND ACCOUNTING NETWORK

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Đại diện Quỹ	02-03
Báo cáo của Công ty Quản lý Quỹ	04-11
Báo cáo của Ngân hàng giám sát	12
Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	13-14
Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét	15-47
Báo cáo thu nhập giữa niên độ	15
Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ	16-17
Báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ giữa niên độ	18
Báo cáo danh mục đầu tư giữa niên độ	19-20
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	21
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ	22-47

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ MB

QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU MB

Tầng 12, Toà nhà 21 Cát Linh, Phường Cát Linh, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN ĐẠI DIỆN QUỸ

Ban Đại diện Quỹ Đầu tư Trái phiếu MB (“Quỹ”) trình bày báo cáo này và phê duyệt báo cáo tài chính giữa niên độ của Quỹ cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2024 đến ngày 30 tháng 06 năm 2024.

QUỸ

Quỹ Đầu tư Trái phiếu MB (trước đây là Quỹ Đầu tư Tăng trưởng MB Capital) thành lập tại Việt Nam dưới hình thức Quỹ mở và hoạt động theo Giấy chứng nhận chào bán Chứng chỉ quỹ đầu tư chứng khoán ra công chúng số 11/GCN-UBCK do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 13 tháng 02 năm 2018 và Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ đại chúng số 32/GCN-UBCK do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 26 tháng 03 năm 2018. Ngày 17 tháng 8 năm 2020, Quỹ được UBCKNN cấp Giấy chứng nhận số 07/GCN-UBCK về việc điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký lập Quỹ đại chúng, chuyển đổi Quỹ Đầu tư Tăng trưởng MB Capital thành Quỹ Đầu tư Trái phiếu MB. Quỹ không bị giới hạn về thời gian hoạt động.

Địa chỉ liên hệ của Quỹ tại: Tầng 12, Toà nhà 21 Cát Linh, Phường Cát Linh, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội.

CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

Quỹ Đầu tư Trái phiếu MB được quản lý bởi Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư MB (sau đây được gọi tắt là “Công ty Quản lý Quỹ”). Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư MB là công ty con của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân Đội hoạt động theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 21/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp và có giá trị trong 50 năm kể từ ngày 15 tháng 11 năm 2007 và giấy phép điều chỉnh gần nhất số 53/GPĐC-UBCK cấp ngày 28 tháng 6 năm 2023.

BAN ĐẠI DIỆN VÀ BAN ĐIỀU HÀNH QUỸ

Các thành viên của Ban đại diện trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Bà: Nguyễn Cẩm Chi	Chủ tịch (Bổ nhiệm ngày 22/04/2024)
Ông: Vũ Hồng Phú	Chủ tịch (Miễn nhiệm ngày 22/04/2024)
Bà: Lưu Thị Thúy	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 22/04/2024)
Bà: Trần Thu Lan	Thành viên
Bà: Nguyễn Thị Xuyên	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 22/04/2024)
Bà: Lâm Thị Minh Thúy	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 22/04/2024)

Các thành viên của Ban điều hành Quỹ trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông: Giang Trung Kiên	Phó Tổng giám đốc
Ông: Hà Anh Tùng	Giám đốc Đầu tư

NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số 0100150619-073 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 12 tháng 09 năm 2003 thay đổi lần thứ 12 ngày 16 tháng 06 năm 2020 và Giấy phép hoạt động lưu ký chứng khoán số 510/QĐ-ĐKHDLK ngày 01 tháng 08 năm 2006 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp. Quyền và nghĩa vụ của ngân hàng giám sát được quy định tại Điều lệ Quỹ và pháp luật liên quan. Ngân hàng giám sát được chỉ định theo Hợp đồng cung cấp dịch vụ lưu ký - giám sát ngày 04 tháng 01 năm 2018.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện soát xét các Báo cáo tài chính giữa niên độ cho Quỹ.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ MB
QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU MB

Tầng 12, Tòa nhà 21 Cát Linh, Phường Cát Linh,
Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư MB với tư cách là Công ty Quản lý Quỹ của Quỹ chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động của Quỹ trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính giữa niên độ, Ban Tổng Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng cho Quỹ có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính giữa niên độ hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với quỹ mở và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Quỹ sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Quỹ, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Quỹ và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ cam kết với Ban Đại diện Quỹ đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính kèm theo.

CAM KẾT KHÁC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ cam kết rằng Quỹ tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP của Chính Phủ ngày 31 tháng 12 năm 2020 hướng dẫn về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Theo đó, chúng tôi phê duyệt các báo cáo tài chính đính kèm, trên cơ sở cam kết của Ban Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ. Báo cáo tài chính này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính và danh mục đầu tư của Quỹ tại ngày 30 tháng 06 năm 2024, kết quả thu nhập, tình hình thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng với quỹ mở và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính của quỹ mở.

Thay mặt Ban Đại diện Quỹ



Nguyễn Cẩm Chi

Chủ tịch Ban đại diện

Hà Nội, ngày 30 tháng 07 năm 2024

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

1 . THÔNG TIN CHUNG VỀ QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU MB

1.1 . Mục tiêu của Quỹ

Mục tiêu chính của Quỹ Đầu tư Trái phiếu MB (“Quỹ”) là hướng tới mục tiêu tối đa hóa lợi nhuận đồng thời bảo toàn vốn cho Nhà đầu tư thông qua việc đầu tư vào các loại trái phiếu, các công cụ có thu nhập cố định được phát hành tại Việt Nam.

1.2 . Hiện quả hoạt động của Quỹ

Theo báo cáo tài chính giữa niên độ của Quỹ đã được soát xét, tính đến kỳ báo cáo, giá trị tài sản ròng (“NAV”) của Quỹ tăng 5,71% so với giá trị tài sản ròng của Quỹ tại đầu kỳ báo cáo; NAV trên 1 đơn vị chứng chỉ Quỹ (“CCQ”) của Quỹ tăng 4,16% so với giá trị đầu kỳ báo cáo.

1.3 . Chính sách và chiến lược đầu tư của Quỹ

Chiến lược đầu tư

- Quỹ định hướng xây dựng một danh mục đa dạng các công cụ nợ bao gồm nhưng không giới hạn bởi các loại tài sản như sau: Các loại trái phiếu chính phủ; trái phiếu được chính phủ bảo lãnh thanh toán; trái phiếu doanh nghiệp niêm yết và chưa niêm yết theo quy định của pháp luật; chứng chỉ tiền gửi; hợp đồng tiền gửi và các công cụ thị trường tiền tệ khác;
- Để đạt được mục tiêu đề ra, Quỹ áp dụng phương thức đầu tư đi từ trên xuống “Top-Down Approach”, trong đó việc đầu tư và phân bổ trái phiếu sẽ dựa trên những đánh giá tổng thể về xu thế của kinh tế vĩ mô, chính sách của nhà nước, ngành hưởng lợi, cũng như tiềm năng sinh lời và an toàn tín dụng của tổ chức phát hành. Quỹ cũng sử dụng phương pháp tiếp cận đầu tư đi từ dưới lên “Bottom Up Approach” trong việc lựa chọn từng trái phiếu cụ thể thông qua việc đánh giá phân tích tổ chức phát hành, và diễn biến của trái phiếu trước tác động của khuynh hướng thị trường;
- Công ty Quản lý Quỹ sẽ đánh giá những chuyển động của thị trường trái phiếu để phân bổ tỷ trọng trái phiếu chính phủ, trái phiếu doanh nghiệp, các công cụ nợ khác và tiền mặt ở một tỷ lệ thích hợp, vừa đảm bảo khả năng sinh lời, vừa đảm bảo khả năng thanh khoản của Quỹ;
- Quỹ sẽ linh hoạt phân bổ tài sản tùy theo điều kiện thị trường và tùy thuộc vào các cơ hội đầu tư sẵn có. Định hướng quỹ sẽ đầu tư 100% tài sản của quỹ vào tài sản có thu nhập cố định và không đầu tư cổ phiếu, tuy nhiên có thể thực hiện quyền chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu hoặc thực hiện quyền mua cổ phiếu nếu quyền này được phát hành kèm trái phiếu. Trong mọi trường hợp, giá trị cổ phiếu mà Quỹ nắm giữ sẽ không vượt quá 20% tổng giá trị tài sản ròng của Quỹ.

Lĩnh vực, ngành nghề dự kiến đầu tư

Bên cạnh trái phiếu chính phủ, tiền gửi, và các công cụ tiền tệ khác, Quỹ sẽ tập trung đầu tư vào các công cụ nợ do các doanh nghiệp hoạt động chủ yếu trong các ngành nghề sau đây (nhưng không giới hạn ở những ngành nghề này):

- Tài chính - ngân hàng;
- Viễn thông;
- Dịch vụ và hàng tiêu dùng;
- Y tế và giáo dục;
- Bất động sản, xây dựng và phát triển cơ sở hạ tầng;
- Các ngành nghề được pháp luật cho phép và phù hợp với chiến lược đầu tư tại từng thời điểm theo quyết định hợp lý của Công ty Quản lý Quỹ.

Các loại tài sản được phép đầu tư

Các loại tài sản mà Quỹ được đầu tư bao gồm:

- Tiền gửi tại các ngân hàng thương mại theo quy định của pháp luật ngân hàng;
- Công cụ thị trường tiền tệ bao gồm giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng theo quy định của pháp luật;

- Công cụ nợ của Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh, trái phiếu chính quyền địa phương;
- Cổ phiếu niêm yết, cổ phiếu đăng ký giao dịch, trái phiếu niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán, chứng chỉ quỹ đại chúng;
- Cổ phiếu chào bán lần đầu ra công chúng, trái phiếu chào bán ra công chúng, trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ bởi tổ chức niêm yết có bảo lãnh thanh toán của tổ chức tín dụng hoặc cam kết mua lại của tổ chức phát hành tối thiểu 1 lần trong 12 tháng và mỗi lần cam kết mua lại tối thiểu 30% giá trị đợt phát hành. Việc đầu tư vào các tài sản này phải đáp ứng các điều kiện sau:
- + Đã được Ban đại diện quỹ chấp thuận bằng văn bản về loại, mã chứng khoán, số lượng, giá trị giao dịch, thời điểm thực hiện;
- + Có đủ tài liệu chứng minh về bảo lãnh thanh toán hoặc tài liệu về cam kết mua lại của tổ chức phát hành;
- Chứng khoán phái sinh niêm yết và giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán và chỉ nhằm mục tiêu phòng ngừa rủi ro cho chứng khoán cơ sở mà Quỹ đang nắm giữ. Trường hợp Quỹ đầu tư vào vào các tài sản này, người điều hành quỹ phải có thêm chứng chỉ chuyên môn về chứng khoán phái sinh và thị trường chứng khoán phái sinh.
- Quyền phát sinh gắn liền với chứng khoán mà Quỹ đang nắm giữ.

1.4 . Phân loại Quỹ

Quỹ được tổ chức dưới hình thức quỹ mở.

1.5 . Thời gian khuyến cáo đầu tư của Quỹ

Nhà đầu tư vào Quỹ có thể dễ dàng bán lại chứng chỉ quỹ cho Quỹ vào các ngày giao dịch định kỳ. Tuy nhiên, nếu nhà đầu tư nắm giữ chứng chỉ quỹ trong thời gian ngắn sẽ chịu mức phí mua lại được quy định trong Bản cáo bạch của Quỹ. Vì vậy, tùy thuộc vào thị trường, nhu cầu của nhà đầu tư mà nhà đầu tư có thể tự quyết định thời gian đầu tư vào Quỹ.

1.6 . Thời điểm bắt đầu hoạt động của Quỹ

Quỹ đầu tư Trái phiếu MB (trước đây là Quỹ Đầu tư Tăng trưởng MB Capital) được thành lập ngày 26 tháng 3 năm 2018 theo Giấy chứng nhận Đăng ký thành lập Quỹ đại chúng số 32/GCN-UBCK; Giấy chứng nhận điều chỉnh số 07/GCN-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (“UBCKNN”) cấp ngày 17 tháng 08 năm 2020. Quỹ đầu tư trái phiếu MB là quỹ công chúng dạng mở được Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư MB quản lý trong suốt thời hạn hoạt động, trừ trường hợp Quỹ được chuyển giao cho công ty quản lý quỹ khác quản lý hoặc bị giải thể theo quyết định của Đại hội Nhà đầu tư.

Quỹ không bị giới hạn về thời gian hoạt động.

1.7 . Quy mô Quỹ tại thời điểm báo cáo

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2024, vốn góp bằng mệnh giá của nhà đầu tư vào Quỹ là 156.282.509.100 VND, tương đương với 15.628.250,91 chứng chỉ quỹ và giá trị tài sản ròng (“NAV”) của Quỹ là 228.767.970.202 VND.

1.8 . Chỉ số tham chiếu

Không áp dụng.

1.9 . Chính sách phân phối lợi nhuận của Quỹ

Quỹ thực hiện chia lợi tức bằng tiền hoặc chứng chỉ quỹ. Tối thiểu mười lăm (15) ngày trước khi phân phối lợi tức, Công ty Quản lý Quỹ phải thông báo đến Nhà đầu tư bằng phương thức đề bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc hoặc thư điện tử đã đăng ký. Thông báo phải bao gồm tối thiểu các nội dung theo quy định pháp luật.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ MB
QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU MB

Tầng 12, Toà nhà 21 Cát Linh, Phường Cát Linh, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

Việc chi trả lợi tức quỹ bảo đảm nguyên tắc:

- Lợi tức phân phối cho Nhà đầu tư được lấy từ nguồn lợi nhuận trong kỳ hoặc lợi nhuận lũy kế sau khi quỹ đã hoàn tất mọi nghĩa vụ thuế, tài chính theo quy định pháp luật;
- Công ty Quản lý Quỹ được phân chia tài sản của Quỹ cho Nhà đầu tư nhiều hơn lợi nhuận đã thực hiện, nhưng phải bảo đảm có nguồn vốn để thanh toán đủ các khoản nợ, nghĩa vụ tài sản khác đến hạn và giá trị tài sản ròng quỹ sau khi chi trả lợi tức phải không được thấp hơn năm mươi (50) tỷ VND. Kế hoạch, lộ trình thực hiện, quy mô tài sản phân chia, nguồn vốn thực hiện phải được Đại hội Nhà đầu tư chấp thuận;
- Mức chi trả lợi tức phải phù hợp với chính sách phân phối lợi nhuận của Quỹ quy định tại Điều lệ quỹ và được Đại hội Nhà đầu tư thông qua;
- Sau khi chi trả, Quỹ vẫn phải đảm bảo có nguồn vốn để thanh toán đủ các khoản nợ, nghĩa vụ tài sản khác đến hạn và giá trị tài sản ròng quỹ sau khi chi trả lợi tức phải không thấp hơn năm mươi (50) tỷ đồng;
- Trường hợp phân phối lợi tức bằng chứng chỉ quỹ, Quỹ phải có đủ nguồn vốn đối ứng từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối căn cứ trên báo cáo tài chính kỳ gần nhất đã được kiểm toán hoặc soát xét;
- Thông tin về hoạt động phân chia lợi nhuận của Quỹ đã thực hiện phải được cập nhật tại Bản cáo bạch sửa đổi, bổ sung.

1.10 . Lợi nhuận thuần thực tế phân phối trên một đơn vị chứng chỉ quỹ

Trong kỳ, Quỹ không thực hiện phân phối lợi nhuận.

2 . SỐ LIỆU HOẠT ĐỘNG

2.1 . Cơ cấu tài sản của Quỹ

	<u>30/06/2024</u>	<u>30/06/2023</u>	<u>30/06/2022</u>
	%	%	%
1. Tiền gửi ngân hàng và tương đương tiền	8,54%	7,01%	33,28%
2. Danh mục chứng khoán	80,00%	87,42%	23,00%
3. Tài sản khác	11,46%	5,57%	43,72%
	<u>100%</u>	<u>100%</u>	<u>100%</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ MB

QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU MB

Tầng 12, Toà nhà 21 Cát Linh, Phường Cát Linh, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

2.2 . Chi tiết chỉ tiêu hoạt động

	ĐVT	Từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024	Từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023	Từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022
Giá trị tài sản ròng của Quỹ	VND	228.767.970.202	229.940.804.450	1.840.241.794.060
Tổng số chứng chỉ quỹ đang lưu hành	CCQ	15.628.250,91	17.106.198,58	142.919.649,92
Giá trị tài sản ròng của một đơn vị chứng chỉ quỹ	VND	14.638	13.442	12.876
Giá trị tài sản ròng cao nhất của một đơn vị CCQ trong kỳ	VND	14.638	13.442	12.876
Giá trị tài sản ròng thấp nhất của một đơn vị CCQ trong kỳ	VND	14.054	12.664	12.527
Tổng tăng trưởng (%)/1 đơn vị CCQ	%	4,16%	6,18%	2,84%
- Tăng trưởng vốn (%)/1 đơn vị CCQ (Thay đổi do biến động giá)		0,10%	0,13%	-0,05%
- Tăng trưởng thu nhập (%)/1 đơn vị CCQ (Tính trên thu nhập đã thực hiện)		4,06%	6,05%	2,89%
Tỷ lệ chi phí hoạt động của Quỹ	%	1,56%	1,57%	1,34%
Tốc độ vòng quay danh mục	%	30,82%	142,46%	39,25%

2.3 . Tăng trưởng qua các thời kỳ

Giai đoạn	Tổng tăng trưởng của NAV/CCQ	Tăng trưởng NAV/CCQ hàng năm
	%	%
1 năm đến thời điểm báo cáo	8,90%	8,90%
3 năm đến thời điểm báo cáo	20,19%	6,32%
Từ khi thành lập đến thời điểm báo cáo	46,38%	6,27%

2.4 . Tăng trưởng hàng kỳ

Thời kỳ	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021
Tỷ lệ tăng trưởng (%)/1 đơn vị CCQ	4,16%	6,18%	2,84%	3,24%

3 . MÔ TẢ THỊ TRƯỜNG TRONG KỲ

3.1 Tình hình kinh tế vĩ mô

Tính chung 6 tháng đầu năm 2024, tăng trưởng GDP ước đạt 6,42%, chỉ thấp hơn tốc độ tăng 6,58% của 6 tháng đầu năm 2022 trong giai đoạn 2020-2024. Trong đó, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 3,38%, đóng góp 6%; khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 7,51%, đóng góp 44%; khu vực dịch vụ tăng 6,64%, đóng góp 50%. CPI bình quân tăng 4,08% YoY trong nửa đầu năm 2024, cao hơn so với cận dưới mục tiêu 4-4,5% cho năm 2024 của Quốc hội.

Tỷ giá liên ngân hàng USD/VND diễn biến căng thẳng khi liên tục áp sát và vượt ngưỡng bán ra của NHNN tại 25.450 (+4,9% YTD). Dù NHNN đã có động thái can thiệp bằng cách bán thẳng ngoại tệ với khối lượng tương đối lớn (ước tính đã bán ~6 tỷ USD tính đến ngày 26/6), tỷ giá vẫn chưa có dấu hiệu hạ nhiệt. Lũy kế từ đầu năm đến hết tháng 6/2024, FDI đăng ký ở mức 15,18 tỷ USD, tăng 13,1% so với cùng kỳ 2023, FDI giải ngân tăng 8,2% lên 10,84 tỷ USD. Giá trị giải ngân mới vốn đầu tư công 6 tháng đầu 2024 ước đạt gần 30% kế hoạch Thủ tướng Chính phủ giao cả năm.

Tổng kim ngạch xuất nhập khẩu lũy kế tính đến hết tháng 6/2024 đạt 368,53 tỷ USD, tăng 15,7% so với cùng kỳ năm trước; nhập khẩu ước đạt 178,45 tỷ USD, tăng 17% so với cùng kỳ và xuất khẩu ước đạt 190,08 tỷ USD, tăng 14,5% so với cùng kỳ.

3.2 Tình hình thị trường trái phiếu

Tổng giá trị Trái phiếu chính phủ phát hành thông qua đấu thầu trong nửa đầu năm 2024 là 156.502 tỷ VND, tương đương 39,1% kế hoạch cả năm (400.000 tỷ VND).

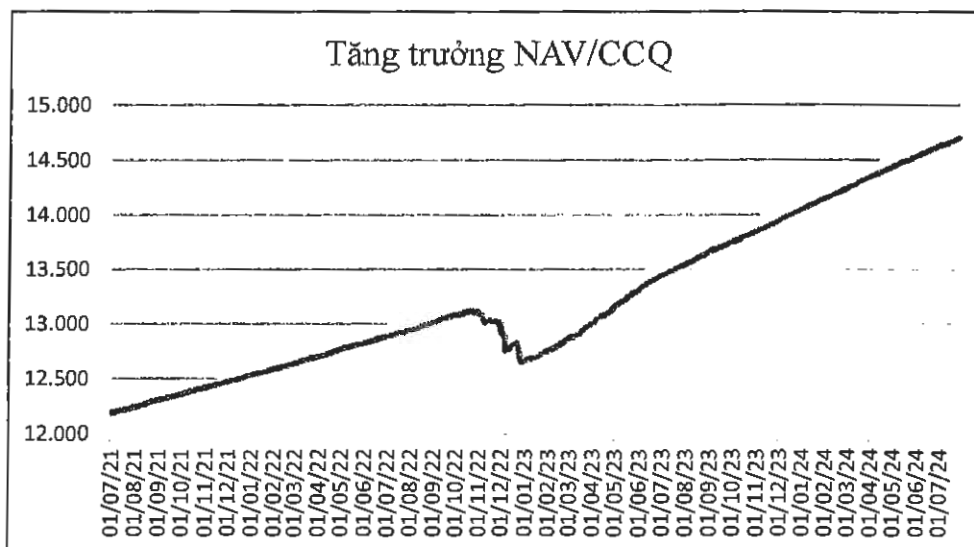
Theo dữ liệu VBMA tổng hợp từ HNX và SSC, tính đến ngày công bố thông tin 30/06/2024, có 30 đợt phát hành trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ trị giá 40.147 tỷ VND và 3 đợt phát hành ra công chúng trị giá 2.000 tỷ VND. Lũy kế từ đầu năm đến nay, có 102 đợt phát hành riêng lẻ trị giá 104.109 tỷ VND và 10 đợt phát hành ra công chúng trị giá 11.378 tỷ VND. Trong số các đợt phát hành riêng lẻ, các trái phiếu đã được xếp hạng tín nhiệm chiếm 4,2% giá trị.

4 . SỐ LIỆU CHI TIẾT HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ

4.1 . Số liệu chi tiết hoạt động của Quỹ

	1 năm đến thời điểm báo cáo	3 năm đến thời điểm báo cáo	Từ thời điểm thành lập đến thời điểm báo cáo
	%	%	%
Tăng trưởng thu nhập/1 đơn vị CCQ	8,97%	16,31%	31,59%
Tăng trưởng vốn/1 đơn vị CCQ	-0,07%	3,88%	14,79%
Tổng tăng trưởng/1 đơn vị CCQ	8,90%	20,19%	46,38%
Tăng trưởng hàng năm (%) / 1 đơn vị CCQ	8,90%	6,32%	6,27%

Biểu đồ tăng trưởng hàng tháng của Quỹ trong 3 năm gần nhất như sau:



Thay đổi giá trị tài sản ròng

	30/06/2024	30/06/2023	Tỷ lệ thay đổi
Giá trị tài sản ròng (NAV) của Quỹ	228.767.970.202	229.940.804.450	-0,51%
Giá trị tài sản ròng (NAV) trên 1 đơn vị CCQ	14.638	13.442	8,90%

4.2 . Thống kê về Nhà Đầu tư nắm giữ chứng chỉ quỹ tại thời điểm báo cáo

Quy mô nắm giữ (đơn vị)	Số lượng Nhà Đầu tư nắm giữ	Số lượng đơn vị chứng chỉ quỹ nắm	Tỷ lệ nắm giữ
Dưới 5.000	6.200	1.134.544,42	7,26%
Từ 5.000 đến 10.000	97	667.044,59	4,27%
Từ trên 10.000 đến 50.000	80	1.613.088,72	10,32%
Từ trên 50.000 đến 500.000	11	946.641,76	6,06%
Trên 500.000	2	11.266.931,42	72,09%
	6.390	15.628.250,91	100%

5 . THÔNG TIN VỀ TRIỂN VỌNG THỊ TRƯỜNG

Dự báo kinh tế vĩ mô 2024

Chúng tôi kỳ vọng, việc từng bước cải thiện môi trường vĩ mô sẽ làm tăng các hoạt động đầu tư và nhu cầu huy động vốn dài hạn.

Dự báo thị trường trái phiếu doanh nghiệp 2024

Chúng tôi cũng dự báo thị trường trái phiếu trong các quý tiếp theo sẽ sôi động hơn, môi trường lãi suất thấp được duy trì sẽ hỗ trợ cho kênh đầu tư trái phiếu và việc thực hiện Nghị định 65/2022/NĐ-CP của Chính phủ sẽ tạo điều kiện cho thị trường trái phiếu phát triển chất lượng hơn. Dù doanh nghiệp khi phát hành trái phiếu có thể gặp khó khăn song việc thực hiện nghị định này về lâu dài sẽ giúp lấy lại niềm tin cho nhà đầu tư, đồng thời tạo điều kiện cho thị trường trái phiếu phát triển hiệu quả, an toàn, ổn định và bền vững.

6 . THÔNG TIN KHÁC

Đội ngũ quản lý quỹ

Ông Giang Trung Kiên
Phó Tổng Giám đốc

Ông Giang Trung Kiên có trên 17 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực Ngân hàng - Đầu tư. Trước khi gia nhập MB Capital trong vai trò Giám đốc Phân tích, ông Kiên là Giám đốc Phân tích đầu tư của Công ty Chứng khoán FPT và chuyên viên cao cấp phòng Dự án của Ngân hàng Công thương Việt Nam. Ông Kiên có bằng Thạc sỹ Quản trị kinh doanh của trường Đại học Deakin (Melbourne, Australia) và chứng chỉ hành nghề Quản lý quỹ do UBCKNN cấp.

Ông Giang Trung Kiên hiện đang là Thành viên Hội đồng Quản trị Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP (PGC).

Ông Hà Anh Tùng
Giám đốc Đầu tư

Ông Hà Anh Tùng có trên 17 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực đầu tư. Trước khi gia nhập MB Capital, ông Tùng có 5 năm làm trưởng phòng quản lý danh mục đầu tư tại Công ty quản lý quỹ IPA, phụ trách quản lý danh mục đầu tư ủy thác của khách hàng tổ chức.

Trước đó, ông Tùng là chuyên gia quản lý danh mục tại Tổng công ty cổ phần Tài chính Dầu khí Việt Nam (PVFC).

Gia nhập MB Capital từ năm 2018, hiện ông Tùng đảm nhiệm vị trí Giám đốc đầu tư phụ trách quản lý danh mục ủy thác cho Khách hàng có quy mô vốn lớn và quản lý các danh mục đầu tư trái phiếu. Ông Tùng từng tốt nghiệp cử nhân Kinh tế đối ngoại tại trường Đại học Ngoại thương.

Ban Điều hành của Công ty Quản lý Quỹ Đầu tư MB

Ông Chu Hồng Kiên
Tổng Giám đốc

Ông Chu Hồng Kiên có hơn 11 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực Tài chính, Ngân hàng. Trước khi gia nhập MB Capital, ông Kiên từng là Giám đốc Chi nhánh Thủ Đức - Ngân hàng TMCP Quân đội.

Ông Giang Trung Kiên
Phó Tổng Giám đốc

Ông Giang Trung Kiên có trên 17 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực Ngân hàng - Đầu tư. Trước khi gia nhập MB Capital trong vai trò Giám đốc Phân tích, ông Kiên là Giám đốc Phân tích đầu tư của Công ty Chứng khoán FPT và chuyên viên cao cấp phòng Dự án của Ngân hàng Công thương Việt Nam. Ông Kiên có bằng Thạc sỹ Quản trị kinh doanh của trường Đại học Deakin (Melbourne, Australia) và chứng chỉ hành nghề Quản lý quỹ do UBCKNN cấp.

Ông Giang Trung Kiên hiện đang là Thành viên Hội đồng Quản trị Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP (PGC).

Ban Đại diện Quỹ

Bà Nguyễn Cẩm Chi
Chủ tịch Ban Đại diện Quỹ

Bà Nguyễn Cẩm Chi hiện giữ chức Phó Tổng giám đốc, Viện Thành viên Hội đồng quản trị Việt Nam (VIOD). Bà Chi có hơn 20 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán và tài chính. Bà Chi hiện là thành viên kỳ cụ Hiệp hội kế toán công chứng Anh Quốc (FCCA).

Bà Lưu Thị Thúy
Thành viên Ban Đại diện Quỹ

Bà Lưu Thị Thúy có 15 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực Ngân hàng, chứng khoán và đầu tư. Bà Thúy đã từng giữ chức vụ quản lý cấp cao của Khối Ngân hàng đầu tư Techcombank. Bà Thúy là thành viên hiệp hội CFA (CFA Charter Holder), thành viên của cộng đồng CFA Singapore từ năm 2012.

**CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ MB
QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU MB**

Tầng 12, Toà nhà 21 Cát Linh, Phường Cát Linh, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

Bà Trần Thu Lan
Thành viên Ban Đại diện Quỹ

Bà Trần Thu Lan tốt nghiệp Cử nhân Luật chuyên ngành Hành chính - Tư Pháp tại Đại học Luật Hà Nội, thạc sỹ chuyên ngành Luật dân sự tại Khoa Luật - Đại học Quốc gia Hà Nội.

Bà Lan có nhiều năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tư vấn pháp lý, kiểm soát tuân thủ, quản trị điều hành doanh nghiệp. Bà Lan gia nhập Ngân hàng TMCP Quân Đội (MB) kể từ năm 2009 và hiện đang đảm nhiệm chức vụ Trợ lý pháp chế HĐQT của MB.



Giang Trung Kiên
Phó Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư MB
Hà Nội, ngày 30 tháng 07 năm 2024

BÁO CÁO CỦA NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

Chúng tôi là Ngân hàng giám sát Quý đầu tư trái phiếu MB cho kỳ tài chính bán niên năm 2024 kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024. Với sự hiểu biết của chúng tôi trong kỳ tài chính Quý đầu tư trái phiếu MB đã hoạt động và được quản lý với các nội dung dưới đây:

a) Việc lưu ký tài sản của Quý đã phù hợp với Điều lệ Quý, Bản cáo bạch của Quý và các văn bản pháp luật liên quan.

b) Công ty CP quản lý Quý đầu tư MB đã tuân thủ các giới hạn về hạn mức đầu tư được quy định tại các văn bản pháp luật chứng khoán hiện hành về quỹ Mở, Bản cáo bạch của Quý và văn bản pháp luật liên quan. Tuy nhiên tại một số thời điểm có phát sinh sai lệch so Điều lệ quỹ và Bản cáo bạch, cụ thể như sau:

- Tại các kỳ định giá tái sản ròng từ ngày 01/01/2024 đến 30/06/2024 tỷ lệ đầu tư vào chứng khoán đang lưu hành và các tài sản quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 35 Thông tư 98/2020/TT-BTC của một tổ chức phát hành trên tổng tái sản của Quý (mã trái phiếu: NVL122001) vượt quá hạn mức tối đa 20%, quy định tại điểm c khoản 4 Điều 35 Thông tư 98/2020/TT-BTC. Sai lệch này phát sinh từ ngày 22/11/2022 và đã quá 3 tháng kể từ thời điểm phát sinh sai lệch nhưng quỹ vẫn chưa điều chỉnh được cơ cấu danh mục.

- Tại các kỳ định giá giá trị tái sản ròng từ ngày 01/01/2024 đến 30/06/2024 tỷ lệ đầu tư vào các tài sản quy định tại điểm a, b, d, đ và e khoản 2 Điều 35 Thông tư 98/2020/TT-BTC, phát hành bởi các công ty trong cùng một nhóm công ty có quan hệ sở hữu vượt 30% tổng tái sản (mã trái phiếu: NVL122001), quy định tại điểm d khoản 4 điều 35 Thông tư 98/2020/TT-BTC. Sai lệch này phát sinh từ ngày 07/12/2022 và đã quá 3 tháng kể từ thời điểm phát sinh sai lệch nhưng quỹ vẫn chưa điều chỉnh được cơ cấu danh mục.

c) Việc định giá, đánh giá tái sản của Quý đầu tư trái phiếu MB đã phù hợp với Điều lệ Quý, Bản cáo bạch của Quý và các văn bản pháp luật liên quan.

d) Việc phát hành và giao dịch Chứng chỉ quỹ đã phù hợp với Điều lệ Quý, Bản cáo bạch của Quý và các văn bản pháp luật liên quan.

e) Trong kỳ, quỹ không phát sinh hoạt động phân phối lợi nhuận.

Hà Nội, ngày 30 tháng 07 năm 2024
ĐẠI DIỆN NGÂN HÀNG GIÁM SÁT
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)



PHÓ GIÁM ĐỐC
Nguyễn Mạnh Cường

NHÂN VIÊN GIÁM SÁT
(Ký, ghi rõ họ tên)

Nguyễn Phương Dung

10
T
Đ
M
S
A

Số: 300724.003/BCTC.KT7

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Quý Nhà đầu tư và Ban đại diện
Quý Đầu tư Trái phiếu MB

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Quý Đầu tư Trái phiếu MB được lập ngày 30 tháng 07 năm 2024, từ trang 15 đến trang 47, bao gồm: Báo cáo thu nhập giữa niên độ, Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ, Báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ giữa niên độ, Báo cáo danh mục đầu tư giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024 và Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty Quản lý quỹ

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư MB là Công ty Quản lý quỹ chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ của Quý theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với Quỹ mở và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ của quỹ mở và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính và danh mục đầu tư giữa niên độ của Quý Đầu tư Trái phiếu MB tại ngày 30 tháng 06 năm 2024, kết quả hoạt động giữa niên độ, tình hình thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ của Quý cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với quỹ mở và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi xin lưu ý người đọc báo cáo tài chính đến Thông tin Ghi chú tại Báo cáo Danh mục Đầu tư và Thuyết minh số 2.6 của Báo cáo tài chính giữa niên độ trong đó mô tả về nguyên tắc, phương pháp định giá các trái phiếu niêm yết theo Sổ tay định giá của Quỹ và hạn mức đầu tư của Quỹ.

Vấn đề cần nhấn mạnh này không làm thay đổi kết luận soát xét chấp nhận toàn phần nêu trên của chúng tôi.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2023 đến ngày 30 tháng 06 năm 2023 và Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Quỹ Đầu tư Trái phiếu MB đã được soát xét và kiểm toán bởi Kiểm toán viên và Công ty TNHH Kiểm toán VACO. Kiểm toán viên đã đưa ra kết luận và ý kiến chấp nhận toàn phần đối với các Báo cáo tài chính này tại ngày 28 tháng 07 năm 2023 và ngày 12 tháng 03 năm 2024.



Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC

Cát Thị Hà

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 0725-2023-002-1

Hà Nội, ngày 30 tháng 07 năm 2024

BÁO CÁO THU NHẬP GIỮA NIÊN ĐỘ

cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Từ 01/01/2024	Từ 01/01/2023
			đến 30/06/2024	đến 30/06/2023
			VND	VND
01	I. THU NHẬP, DOANH THU HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ		11.013.109.239	15.666.444.788
02	1.1 Cổ tức, trái tức được chia	3	10.463.292.123	15.789.353.998
03	1.2 Tiền lãi được nhận	4	390.689.503	150.169.776
04	1.3 Lãi, lỗ bán các khoản đầu tư	5	(52.710.685)	(441.874.583)
05	1.4 Chênh lệch tăng, giảm đánh giá lại các khoản đầu tư chưa thực hiện	6	211.838.298	168.795.597
10	II. CHI PHÍ ĐẦU TƯ		-	6.343.036
11	2.1 Chi phí giao dịch mua, bán các khoản đầu tư	7	-	6.343.036
20	III. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG QUỸ MỞ		1.774.735.965	1.815.990.724
20.1	3.1 Phí quản lý quỹ mở		1.356.530.287	1.385.892.133
20.2	3.2 Phí dịch vụ lưu ký tài sản Quỹ mở		91.958.075	92.373.679
20.3	3.3 Phí dịch vụ giám sát		33.000.000	33.000.000
20.4	3.4 Phí dịch vụ quản trị quỹ mở		99.000.000	99.000.000
20.5	3.5 Phí dịch vụ đại lý chuyển nhượng		79.200.000	79.200.000
20.8	3.6 Chi phí kiểm toán		31.850.000	35.750.000
0.10	3.7 Chi phí hoạt động khác	8	83.197.603	90.774.912
23	IV. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ		9.238.373.274	13.844.111.028
24	V. KẾT QUẢ THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC		-	-
24.1	5.1 Thu nhập khác		-	-
24.2	5.2 Chi phí khác		-	-
30	VI. TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ		9.238.373.274	13.844.111.028
31	6.1 Lợi nhuận/(lỗ) đã thực hiện		9.026.534.976	13.675.315.431
32	6.2 Lợi nhuận/(lỗ) chưa thực hiện		211.838.298	168.795.597
40	VII. CHI PHÍ THUẾ TNDN		-	-
41	VIII. LỢI NHUẬN KẾ TOÁN SAU THUẾ TNDN		9.238.373.274	13.844.111.028

Trương Thị Hà Anh
 Người lập

Nguyễn Thị Thu Hiền
 Kế toán trưởng



Giang Trung Kiên
 Phó Tổng Giám đốc
 Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư MB
 Hà Nội, ngày 30 tháng 07 năm 2024

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2024

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	30/06/2024 VND	31/12/2023 VND
100	I. TÀI SẢN			
110	1. Tiền gửi ngân hàng và tương đương tiền	9	19.591.045.665	17.344.202.207
111	1.1 Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động của Quỹ mở		1.091.045.665	1.344.202.207
112	1.2 Tiền gửi có kỳ hạn không quá 3 tháng		18.500.000.000	16.000.000.000
120	2. Các khoản đầu tư thuần	10	183.644.714.822	183.432.876.524
121	2.1 Các khoản đầu tư		183.644.714.822	183.432.876.524
121	2.1.1 Các khoản đầu tư trái phiếu		183.644.714.822	183.432.876.524
130	3. Các khoản phải thu	11	26.310.028.430	16.375.057.258
133	3.1 Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các khoản đầu tư		26.310.028.430	16.375.057.258
136	3.1.1 Dự thu cổ tức, tiền lãi chưa đến ngày nhận		26.310.028.430	16.375.057.258
100	TỔNG TÀI SẢN		229.545.788.917	217.152.135.989
Mã số	NGUỒN VỐN			
300	II. NỢ PHẢI TRẢ			
316	1. Chi phí phải trả	12	37.472.634	35.750.000
317	2. Phải trả cho Nhà đầu tư về mua Chứng chỉ quỹ	13	456.977.772	443.824.548
318	3. Phải trả cho Nhà đầu tư về mua lại Chứng chỉ quỹ	14	17.714.126	11.726.610
319	4. Phải trả dịch vụ quản lý Quỹ mở	15	265.654.183	253.522.479
300	TỔNG NỢ PHẢI TRẢ		777.818.715	744.823.637
400	III. GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG CÓ THẺ PHÂN PHỐI CHO NHÀ ĐẦU TƯ NẮM GIỮ CHỨNG CHỈ QUỸ	16	228.767.970.202	216.407.312.352
411	1. Vốn góp của Nhà đầu tư		156.282.509.100	153.978.822.500
412	1.1 Vốn góp phát hành		5.134.464.055.600	5.101.025.248.700
413	1.2 Vốn góp mua lại		(4.978.181.546.500)	(4.947.046.426.200)
414	2. Thặng dư vốn góp của Nhà đầu tư		(70.708.600.490)	(71.527.198.466)
420	3. Lợi nhuận chưa phân phối	17	143.194.061.592	133.955.688.318
430	IV. GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG QUỸ MỞ TRÊN 1 ĐƠN VỊ CHỨNG CHỈ QUỸ		14.638	14.054

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	30/06/2024	31/12/2023
004	1. Số lượng chứng chỉ quỹ đang lưu hành		15.628.250,91	15.397.882,25



Trương Thị Hà Anh
Người lập



Nguyễn Thị Thu Hiền
Kế toán trưởng



Giang Trung Kiên
Phó Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư MB
Hà Nội, ngày 30 tháng 07 năm 2024

BÁO CÁO THAY ĐỔI GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG, GIAO DỊCH CHỨNG CHỈ QUỸ GIỮA NIÊN ĐỘ

cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024

STT	CHỈ TIÊU	Từ 01/01/2024	Từ 01/01/2023
		đến 30/06/2024	đến 30/06/2023
		VND	VND
I.	Giá trị tài sản ròng của Quỹ mở (NAV) đầu kỳ	216.407.312.352	261.084.787.418
II.	Thay đổi NAV trong kỳ	9.238.373.274	13.844.111.028
	Trong đó:		
II.1	Thay đổi NAV do biến động thị trường và hoạt động giao dịch của Quỹ mở trong kỳ	9.238.373.274	13.844.111.028
II.2	Thay đổi NAV do phân chia lợi nhuận/Tài sản của Quỹ mở cho nhà đầu tư trong kỳ	-	-
III.	Thay đổi NAV do mua lại, phát hành thêm chứng chỉ quỹ (III=III.1-III.2)	3.122.284.576	(44.988.093.996)
III.1	Khoản thu từ việc phát hành bổ sung Chứng chỉ quỹ	47.862.446.326	5.431.268.470
III.2	Khoản thanh toán từ việc mua lại Chứng chỉ quỹ	44.740.161.750	50.419.362.466
IV.	Giá trị tài sản ròng của Quỹ mở cuối kỳ (IV= I+II+III)	228.767.970.202	229.940.804.450

Trương Thị Hà Anh
Người lập

Nguyễn Thị Thu Hiền
Kế toán trưởng



Giang Trung Kiên
Phó Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư MB
Hà Nội, ngày 30 tháng 07 năm 2024

BÁO CÁO DANH MỤC ĐẦU TƯ GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2024

STT	Loại	Số lượng	Giá thị trường tại	Tổng giá trị	Tỷ lệ trên
			ngày 30/06/2024		Tổng giá trị tài
			VND	VND	sản hiện tại
					của Quỹ
					%
I	Trái phiếu niêm yết				
1	BAF122029	100.071	102.116,88	10.218.938.298	4,45%
2	NVL122001 (*)	1.733.333	100.053,35	173.425.776.524	75,55%
	Tổng	1.833.404		183.644.714.822	80,00%
II	Các tài sản khác				
1	Dự thu lãi trái phiếu			26.140.939.800	11,39%
2	Dự thu cổ tức			139.590.000	0,06%
2	Dự thu lãi tiền gửi			29.498.630	0,01%
	Tổng			26.310.028.430	11,46%
III	Tiền				
1	Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động của Quỹ			1.091.045.665	0,48%
2	Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn không quá 3 tháng			18.500.000.000	8,06%
	Tổng			19.591.045.665	8,54%
IV	Tổng giá trị danh mục			229.545.788.917	100%

Ghi chú:

(*) Giá trị hợp lý của trái phiếu NVL122001 tại ngày 30/06/2024:

Mã trái phiếu NVL122001 có giao dịch nhiều hơn 15 ngày tính đến ngày trước ngày định giá nhưng giá yết (giá sạch) trên hệ thống giao dịch của Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) là 76.507,35 VND/trái phiếu (tương đương với giá trị trái phiếu Quỹ nắm giữ là: 132.612.714.497 VND) có chênh lệch tuyệt đối quá 1% so với giá của kỳ định giá gần nhất là 100.053,35 VND/trái phiếu và đã quá 03 tháng kể từ kỳ báo cáo gần nhất tính đến ngày định giá có biến động giá nên giá trị hợp lý được định giá theo giá mua cộng lãi lũy kế tính đến ngày trước ngày định giá theo Sổ tay định giá với giá trị là 100.053,35 VND/trái phiếu (tương đương với giá trị trái phiếu Quỹ nắm giữ là: 173.425.776.524 VND). Giá trị trái phiếu chênh lệch giữa giá yết trên hệ thống giao dịch của Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội và giá theo sổ tay định giá là 40.813.062.027 VND.

BÁO CÁO DANH MỤC ĐẦU TƯ GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2024

Tại một số thời điểm có phát sinh sai lệch so với Điều lệ Quỹ và Bản cáo bạch, cụ thể như sau:

- Tại các kỳ định giá tài sản ròng từ ngày 01/01/2024 đến 30/06/2024 tỷ lệ đầu tư vào chứng khoán đang lưu hành và các tài sản quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 35 Thông tư 98/2020/TT-BTC của một tổ chức phát hành trên tổng tài sản của Quỹ (mã trái phiếu: NVL122001) vượt quá hạn mức tối đa 20%, quy định tại điểm c khoản 4 Điều 35 Thông tư 98/2020/TT-BTC. Sai lệch này phát sinh từ ngày 22/11/2022 và đã quá 3 tháng kể từ thời điểm phát sinh sai lệch tỷ lệ này cũng như tính đến ngày 30 tháng 06 năm 2024 và thời điểm phát hành báo cáo này, Quỹ đã thực hiện biện pháp để khắc phục nhưng vẫn chưa điều chỉnh được cơ cấu danh mục.
- Tại các kỳ định giá giá trị tài sản ròng từ ngày 01/01/2024 đến 30/06/2024 tỷ lệ đầu tư vào các tài sản quy định tại điểm a, b, d, đ và e khoản 2 Điều 35 Thông tư 98/2020/TT-BTC, phát hành bởi các công ty trong cùng một nhóm công ty có quan hệ số hữu vượt 30% tổng tài sản của Quỹ (mã trái phiếu: NVL122001), quy định tại điểm đ khoản 4 điều 35 Thông tư 98/2020/TT-BTC. Sai lệch này phát sinh từ ngày 07/12/2022 và đã quá 3 tháng kể từ thời điểm phát sinh sai lệch tỷ lệ này cũng như tính đến ngày 30 tháng 06 năm 2024 và thời điểm phát hành báo cáo này, Quỹ đã thực hiện biện pháp để khắc phục nhưng vẫn chưa điều chỉnh được cơ cấu danh mục.

Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam Chi nhánh tại TP.Hồ Chí Minh (CNVSD) thông báo về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán thay đổi lần 01, số: 16/2022/GCNTPDN-VSD-1 ngày 19/07/2023 do tổ chức đăng ký là Công ty Cổ phần Tập Đoàn Đầu tư Địa ốc NoVa thay đổi điều kiện, điều khoản của trái phiếu gồm một số nội dung như sau:

- Ngày đáo hạn: 20/07/2025 (ngày đáo hạn trước đây là: 20/07/2023);
- Phương thức thanh toán gốc: Thanh toán một lần bằng chuyển khoản vào ngày đáo hạn mới (tức ngày 20/07/2025) hoặc vào ngày mà các trái phiếu được mua lại trước hạn theo các trường hợp quy định tại các điều khoản và điều kiện trái phiếu tại Hợp đồng đại diện người sở hữu trái phiếu số 02/2021/BHA/NVLG-TCBS ngày 31/08/2021 giữa Công ty Cổ phần Tập Đoàn Đầu tư Địa Ốc No Va và Công ty Cổ phần Chứng Khoán Kỹ Thương;
- Tiền lãi đối với giai đoạn từ ngày 20/04/2023 đến ngày đáo hạn mới (ngày 20/07/2025): Áp dụng cho kỳ tính lãi thứ 6 và kỳ tính lại thứ 7: Lãi sẽ được thanh toán sau và được thanh toán tại ngày đáo hạn mới (ngày 20/07/2025) hoặc ngày trái phiếu được mua lại trước hạn hoặc mua lại bắt buộc.

Tính đến thời điểm 30/06/2024, tổng giá trị đảm bảo cho trái phiếu NVL122001 theo định giá của Công ty Cổ phần chứng khoán Kỹ Thương tại ngày 26/07/2023 là 1.820.426.301.870 VND, bao gồm: Cổ phiếu của Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư Địa ốc NoVa; Động sản và quyền tài sản Dự án Tổ hợp Khu du lịch Thung Lũng Đại Dương và Động sản quyền tài sản dự án phân khu C thuộc dự án Novaworld Phan Thiết.

Trương Thị Hà Anh
Người lập

Nguyễn Thị Thu Hiền
Kế toán trưởng





Giang Trung Kiên
Phó Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư MB
Hà Nội, ngày 30 tháng 07 năm 2024



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024
 (Theo phương pháp trực tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Từ 01/01/2024	Từ 01/01/2023
			đến 30/06/2024	đến 30/06/2023
			VND	VND
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
01	1. Tiền đã chi mua các khoản đầu tư		(78.115.560.000)	(337.102.863.668)
02	2. Tiền đã thu từ bán các khoản đầu tư		70.000.000.000	363.666.749.872
04	4. Tiền lãi đã thu		8.981.859.769	16.244.193.334
06	5. Tiền chi trả phí cho hoạt động Quỹ mở		(1.760.881.627)	(1.979.627.021)
08	6. Tiền chi thanh toán các chi phí cho hoạt động mua, bán các khoản đầu tư (phí môi giới)		-	(6.343.036)
20	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>		<i>(894.581.858)</i>	<i>40.822.109.481</i>
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
21	1. Tiền thu từ phát hành chứng chỉ quỹ mở		47.875.599.550	5.476.605.379
22	2. Tiền chi mua lại chứng chỉ quỹ mở		(44.734.174.234)	(50.417.348.677)
30	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>		<i>3.141.425.316</i>	<i>(44.940.743.298)</i>
40	III. TĂNG/GIẢM TIỀN THUẦN TRONG KỲ		2.246.843.458	(4.118.633.817)
50	IV. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN ĐẦU KỲ		17.344.202.207	20.261.153.789
51	Tiền gửi ngân hàng đầu kỳ		17.344.202.207	20.261.153.789
52	Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động Quỹ mở		16.888.651.049	20.239.643.801
53	Tiền gửi của Nhà đầu tư về mua bán Chứng chỉ Quỹ		455.551.158	21.509.988
55	V. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI KỲ	9	19.591.045.665	16.142.519.972
56	Tiền gửi ngân hàng cuối kỳ		19.591.045.665	16.142.519.972
57	Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động Quỹ mở		19.116.353.767	16.073.659.286
58	Tiền gửi của Nhà đầu tư về mua bán Chứng chỉ Quỹ		474.691.898	68.860.686
60	VI. CHÊNH LỆCH TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN TRONG KỲ		2.246.843.458	(4.118.633.817)


 Trương Thị Hà Anh
 Người lập biểu


 Nguyễn Thị Thu Hiền
 Kế toán trưởng



 Giang Trung Kiên
 Phó Tổng Giám đốc
 Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư MB
 Hà Nội, ngày 30 tháng 07 năm 2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024

1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ

1.1 . Thông tin về Quỹ

Quỹ

Quỹ Đầu tư Trái phiếu MB (trước đây là Quỹ Đầu tư Tăng trưởng MB Capital) thành lập tại Việt Nam dưới hình thức Quỹ mở và hoạt động theo Giấy chứng nhận chào bán Chứng chỉ quỹ đầu tư chứng khoán ra công chúng số 11/GCN-UBCK do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 13 tháng 02 năm 2018 và Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ đại chúng số 32/GCN-UBCK do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 26 tháng 03 năm 2018. Ngày 17 tháng 8 năm 2020, Quỹ được UBCKNN cấp Giấy chứng nhận số 07/GCN-UBCK về việc điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký lập Quỹ đại chúng, chuyển đổi Quỹ Đầu tư Tăng trưởng MB Capital thành Quỹ Đầu tư Trái phiếu MB. Quỹ không bị giới hạn về thời gian hoạt động.

Quỹ có vốn điều lệ đã huy động được trong đợt phát hành chứng chỉ quỹ lần đầu ra công chúng là 64.178.972.500 VND, tương đương với 6.417.897,25 chứng chỉ quỹ. Tại ngày 30 tháng 06 năm 2024, vốn góp bằng mệnh giá của nhà đầu tư vào Quỹ là 156.282.509.100 VND, tương đương với 15.628.250,91 chứng chỉ quỹ (Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, vốn góp bằng mệnh giá của Nhà đầu tư vào Quỹ là 153.978.822.500 VND, tương đương với 15.397.882,25 chứng chỉ quỹ).

Địa chỉ liên hệ của Quỹ tại: Tầng 12, Toà nhà 21 Cát Linh, Phường Cát Linh, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội.

Công ty Quản lý Quỹ

Quỹ Đầu tư Trái phiếu MB được quản lý bởi Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư MB (sau đây được gọi tắt là "Công ty Quản lý Quỹ"). Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư MB là công ty con của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân Đội hoạt động theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 21/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp và có giá trị trong 50 năm kể từ ngày 15 tháng 11 năm 2007 và giấy phép điều chỉnh gần nhất số 53/GPĐC-UBCK cấp ngày 28 tháng 6 năm 2023.

Ngân hàng Giám sát

Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số 0100150619-073 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 12 tháng 09 năm 2003 thay đổi lần thứ 12 ngày 16 tháng 06 năm 2020 và Giấy phép hoạt động lưu ký chứng khoán số 510/QĐ-ĐKHĐLK ngày 01 tháng 08 năm 2006 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp. Quyền và nghĩa vụ của ngân hàng giám sát được quy định tại Điều lệ Quỹ và pháp luật liên quan. Ngân hàng giám sát được chỉ định theo Hợp đồng cung cấp dịch vụ lưu ký - giám sát ngày 04 tháng 01 năm 2018.

1.2 . Mục tiêu đầu tư

Mục tiêu chính của Quỹ là hướng tới mục tiêu tối đa hóa lợi nhuận đồng thời bảo toàn vốn cho Nhà đầu tư thông qua việc đầu tư vào các loại trái phiếu, các công cụ có thu nhập cố định được phát hành tại Việt Nam.

1.3 . Kỳ tính giá trị tài sản ròng

Ngày định giá

Ngày định giá là toàn bộ các ngày làm việc trong tuần và những ngày mà NAV của Quỹ được xác định cho mục đích báo cáo (tuần, tháng, quý, năm) hoặc các mục đích khác.

Xác định Giá trị tài sản ròng của Quỹ

Giá trị tài sản ròng của Quỹ phải được xác định định kỳ vào ngày giao dịch Chứng chỉ quỹ được quy định tại Điều lệ Quỹ và phải được công bố công khai theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

1.4 . Tần suất giao dịch chứng chỉ quỹ

Nhà đầu tư có thể mua, bán, chuyển đổi chứng chỉ quỹ vào các ngày làm việc trong tuần từ thứ 2 đến thứ 6. Nếu ngày giao dịch trùng vào ngày nghỉ lễ thì ngày giao dịch đó sẽ được chuyển sang ngày làm việc kế tiếp hoặc ngày khác theo thông báo của Công ty Quản lý Quỹ.

1.5 . Hạn chế đầu tư

Cơ cấu danh mục đầu tư của Quỹ phải đảm bảo:

- a) Đầu tư tối thiểu tám mươi phần trăm (80%) giá trị tài sản ròng của quỹ vào các loại trái phiếu, công cụ thị trường tiền tệ, tiền gửi có kỳ hạn và các công cụ có thu nhập cố định khác.
- b) Không được đầu tư vào chứng khoán của một tổ chức phát hành quá mười phần trăm (10%) tổng giá trị chứng khoán đang lưu hành của tổ chức đó, trừ công cụ nợ của Chính phủ;
- c) Không được đầu tư quá hai mươi phần trăm (20%) tổng giá trị tài sản của Quỹ vào chứng khoán đang lưu hành và các tài sản (nếu có) của một tổ chức phát hành sau (trừ công cụ nợ của Chính phủ):
 - (i) Tiền gửi tại các ngân hàng thương mại theo quy định của pháp luật ngân hàng;
 - (ii) Công cụ thị trường tiền tệ bao gồm giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng theo quy định của pháp luật.
- d) Không được đầu tư quá ba mươi phần trăm (30%) tổng giá trị tài sản của Quỹ vào các tài sản quy định sau phát hành bởi các công ty trong cùng nhóm công ty có quan hệ sở hữu với nhau thuộc các trường hợp sau đây: Công ty mẹ, công ty con, các công ty sở hữu trên 35% cổ phần, phần vốn góp của nhau; nhóm công ty con có cùng một công ty mẹ. Trong đó, phần đầu tư vào chứng khoán phái sinh tính bằng giá trị cam kết của hợp đồng xác định theo quy định pháp luật:
 - (i) Tiền gửi tại các ngân hàng thương mại theo quy định của pháp luật ngân hàng;
 - (ii) Công cụ thị trường tiền tệ bao gồm giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng theo quy định của pháp luật;
 - (iii) Cổ phiếu niêm yết, cổ phiếu đăng ký giao dịch, trái phiếu niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán, chứng chỉ quỹ đại chúng;
 - (iv) Cổ phiếu chào bán lần đầu ra công chúng, trái phiếu chào bán ra công chúng, trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ bởi tổ chức niêm yết có bảo lãnh thanh toán của tổ chức tín dụng hoặc cam kết mua lại của tổ chức phát hành tối thiểu 1 lần trong 12 tháng và mỗi lần cam kết mua lại tối thiểu 30% giá trị đợt phát hành;
 - (v) Chứng khoán phái sinh niêm yết giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán và chỉ nhằm mục tiêu phòng ngừa rủi ro chứng khoán cơ sở mà Quỹ đang nắm giữ.
- e) Không được đầu tư quá mười phần trăm (10%) tổng giá trị tài sản của Quỹ vào các tài sản là cổ phiếu chào bán lần đầu ra công chúng, trái phiếu chào bán ra công chúng, trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ bởi tổ chức niêm yết có bảo lãnh thanh toán của tổ chức tín dụng hoặc cam kết mua lại của tổ chức phát hành tối thiểu 1 lần trong 12 tháng và mỗi lần cam kết mua lại tối thiểu 30% giá trị đợt phát hành;
- f) Tại mọi thời điểm, tổng giá trị cam kết trong các giao dịch chứng khoán phái sinh, dư nợ vay và các khoản phải trả của Quỹ không được vượt quá giá trị tài sản ròng của quỹ;
- g) Không được đầu tư vào chứng chỉ quỹ của Quỹ Đầu tư trái phiếu MB;

- h) Chỉ được đầu tư vào chứng chỉ quỹ đại chúng khác, công ty đầu tư chứng khoán đại chúng do công ty quản lý quỹ khác quản lý và bảo đảm các hạn chế sau:
- (i) Không đầu tư vào quá mười phần trăm (10%) tổng số chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một quỹ đại chúng, cổ phiếu đang lưu hành của một công ty đầu tư chứng khoán đại chúng;
 - (ii) Không đầu tư quá hai mươi phần trăm (20%) tổng giá trị tài sản của quỹ vào chứng chỉ quỹ của một quỹ đại chúng, cổ phiếu của một công ty đầu tư chứng khoán đại chúng;
 - (iii) Không đầu tư quá ba mươi phần trăm (30%) tổng giá trị tài sản của quỹ vào các chứng chỉ quỹ đại chúng, cổ phiếu công ty đầu tư chứng khoán đại chúng.
- k) Không được đầu tư trực tiếp vào bất động sản, đá quý, kim loại quý hiếm;

Cơ cấu đầu tư của Quỹ chỉ được vượt mức so với các hạn chế quy định tại điểm b, c, d, e, h và chỉ do các nguyên nhân khách quan sau:

- Biến động giá trên thị trường của tài sản trong danh mục đầu tư của Quỹ;
- Thực hiện các khoản thanh toán của Quỹ theo quy định pháp luật, bao gồm việc thực hiện lệnh giao dịch của Nhà đầu tư;
- Hoạt động chia, tách, hợp nhất, sáp nhập các tổ chức phát hành;
- Quỹ mới được cấp phép thành lập hoặc do tách quỹ, hợp nhất quỹ, sáp nhập quỹ mà thời gian hoạt động chưa quá sáu (06) tháng, kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ hoặc Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ điều chỉnh;
- Quỹ đang trong thời gian giải thể.

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI QUỸ

2.1 . Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Quỹ bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2.2 . Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

2.3 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính của Quỹ được lập theo chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với quỹ mở được quy định tại Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2012 về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ mở, Thông tư số 98/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 hướng dẫn hoạt động và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán. Thông tư số 181/2015/TT-BTC (“Thông tư số 181”) ngày 13 tháng 11 năm 2015 do Bộ Tài chính ban hành về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ hoán đổi danh mục và Thông tư số 91/2019/TT-BTC (“Thông tư số 91”) ngày 31 tháng 12 năm 2019.

Theo Thông tư 198/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2012 của Bộ Tài chính về việc ban hành chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ mở, báo cáo tài chính của Quỹ bao gồm:

1. Báo cáo thu nhập;
2. Báo cáo tình hình tài chính;
3. Báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ;
4. Báo cáo danh mục đầu tư;
5. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ;
6. Thuyết minh báo cáo tài chính.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Quỹ đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Ban Tổng Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ khẳng định rằng báo cáo tài chính này tuân thủ Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng cho quỹ mở và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính của quỹ mở.

Hình thức kế toán áp dụng

Quỹ áp dụng hình thức kế toán nhật ký chung.

2.4 . Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc của Công ty Quản lý Quỹ phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc của Công ty Quản lý Quỹ, số liệu thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

2.5 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền gửi ngân hàng cho hoạt động của Quỹ, tiền gửi của Nhà đầu tư về mua chứng chỉ quỹ chờ phân bổ và tiền gửi tại các tổ chức tín dụng có thời hạn đáo hạn không quá ba (3) tháng kể từ ngày gửi và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba (3) tháng, có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là mục đích khác.

2.6 . Các khoản đầu tư

Ghi nhận ban đầu

Các khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu theo giá gốc chỉ bao gồm giá mua và không bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được khoản đầu tư. Các chi phí phát sinh này được hạch toán vào báo cáo thu nhập.

Đối với khoản đầu tư vào trái phiếu và tiền gửi ngân hàng, phần lãi dự thu chưa được thanh toán tính đến ngày mua được ghi nhận, tách biệt khỏi giá gốc, trên khoản mục "dự thu cổ tức, lãi tiền gửi chưa đến ngày nhận" trên Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ.

Ghi nhận tiếp theo

Các khoản đầu tư được ghi nhận trên khoản mục "Các khoản đầu tư" trên Báo cáo tình hình tài chính theo nguyên tắc sau:

- Chứng chỉ tiền gửi và tiền gửi có kỳ hạn được ghi nhận theo giá gốc;
- Trái phiếu niêm yết được ghi nhận theo giá trị hợp lý của các tài sản này.

Lợi nhuận thuần nhận được từ các khoản đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào báo cáo thu nhập.

Các khoản lãi lũy kế chưa thanh toán của các khoản tiền gửi, tín phiếu kho bạc, hối phiếu ngân hàng, thương phiếu, chứng chỉ tiền gửi có thể chuyển nhượng, trái phiếu và các công cụ nợ khác được ghi nhận tại khoản mục "Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các khoản đầu tư" trên báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ.

Định giá lại cho mục đích xác định giá trị tài sản ròng của Quỹ

Các khoản đầu tư được đánh giá lại vào các ngày định giá theo giá trị hợp lý. Các khoản lãi, lỗ do đánh giá lại các khoản đầu tư được ghi nhận vào báo cáo thu nhập. Phương pháp đánh giá lại các khoản đầu tư được quy định trong Sổ tay định giá được xây dựng phù hợp với phương pháp xác định giá trị tài sản quy định tại Điều lệ Quỹ và Thông tư 98/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 và được Ban đại diện Quỹ phê duyệt.

Nguyên tắc định giá

Các khoản đầu tư Quỹ hiện đang nắm giữ được định giá theo các nguyên tắc và phương pháp quy định tại Thông tư 98/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn hoạt động và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán và Điều lệ, Bản cáo bạch và Sổ tay định giá của Quỹ.

STT	Loại tài sản	Nguyên tắc định giá giao dịch trên thị trường
Tiền và các khoản tương đương tiền, công cụ thị trường tiền tệ		
1.	Tiền (VND)	Số dư tiền tại ngày trước ngày định giá.
2.	Tiền gửi kỳ hạn	Giá trị tiền gửi cộng lãi chưa được thanh toán tính tới ngày trước ngày định giá.
Trái phiếu		
3.	Trái phiếu niêm yết	<p>Giá yết (giá sạch) bình quân gia quyền trên hệ thống giao dịch hoặc tên gọi khác, tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán tại ngày có giao dịch gần nhất trước ngày định giá mà không có biến động bất thường cộng với lãi lũy kế tính tới ngày trước ngày định giá;</p> <p>Trường hợp không có giao dịch mua bán thông thường (outright) nhiều hơn 15 ngày tính đến ngày định giá hoặc chỉ có giao dịch với giá có biến động bất thường, giá được sử dụng theo thứ tự ưu tiên sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giá của kỳ báo cáo gần nhất nhưng không quá 03 tháng tính đến ngày định giá; - Giá mua cộng lãi lũy kế tính tới ngày trước ngày định giá. <p>Biến động bất thường được quy định tại Sổ tay định giá và đã được Ban đại diện Quỹ chấp thuận bằng văn bản (là giá có chênh lệch tương đối cao hơn hoặc thấp hơn 1% so với giá của kỳ định giá gần nhất hoặc giá mua trong trường hợp không có giá của kỳ định giá gần nhất);</p> <p>Đối với trái phiếu bị đình chỉ giao dịch, hủy niêm yết hoặc hủy đăng ký giao dịch:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trái phiếu được định giá theo mệnh giá của trái phiếu cộng với lãi lũy kế tính tới ngày trước định giá.

Chấm dứt ghi nhận

Các khoản đầu tư được chấm dứt khi quyền được ghi nhận luồng tiền từ khoản đầu tư đó đã chấm dứt hoặc Quỹ đã không còn nắm giữ phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu các khoản đầu tư.

Lãi/(lỗ) từ hoạt động bán các khoản đầu tư thể hiện phần chênh lệch giữa giá bán và giá vốn của các khoản đầu tư được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền tại cuối ngày giao dịch.

2.7 . Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ hoạt động bán chứng khoán, lãi trái phiếu, lãi tiền gửi Ngân hàng và phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Quỹ dự kiến không có khả năng thu hồi theo tuổi nợ quá hạn gốc của khoản nợ hoặc theo dự kiến tổn thất có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế đã phá sản, đã mở thủ tục phá sản, đã bỏ trốn khỏi địa điểm kinh doanh; đối tượng nợ đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử hoặc đang thi hành án hoặc đang mắc bệnh hiểm nghèo hoặc đã chết hoặc khoản nợ đã được yêu cầu thi hành án nhưng không thể thực hiện được do đối tượng nợ bỏ trốn khỏi nơi cư trú; khoản nợ đã được khởi kiện đòi nợ nhưng bị đình chỉ giải quyết vụ án. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí hoạt động của Quỹ trên báo cáo thu nhập.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho từng khoản phải thu khó đòi căn cứ theo quy định tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 08 tháng 08 năm 2019. Cụ thể:

<u>Thời gian quá hạn</u>	<u>Mức trích dự phòng</u>
Từ sáu (6) tháng đến dưới một (1) năm	30%
Từ một (1) năm đến dưới hai (2) năm	50%
Từ hai (2) năm đến dưới ba (3) năm	70%
Từ ba (3) năm trở lên	100%

2.8 . Các khoản phải trả

Các khoản phải trả được trình bày trên Báo cáo tình hình tài chính theo giá gốc của các khoản phải trả cho hoạt động mua lại chứng chỉ quỹ, phải trả cho hoạt động kinh doanh chứng khoán, phải trả thù lao Ban đại diện quỹ, phải trả cho Công ty Quản lý quỹ, ngân hàng giám sát và các khoản phải trả khác.

2.9 . Vốn chủ sở hữu

Vốn góp phát hành

Vốn góp phát hành phản ánh nguồn vốn đầu tư của Quỹ do các nhà đầu tư góp vốn vào Quỹ theo phương thức mua chứng chỉ quỹ trong lần phát hành lần đầu ra công chúng và các lần giao dịch chứng chỉ quỹ sau khi quỹ thành lập.

Vốn góp phát hành được phản ánh theo mệnh giá.

Vốn góp mua lại

Vốn góp mua lại phản ánh tình hình mua lại chứng chỉ quỹ của các Nhà đầu tư tại các kỳ giao dịch chứng chỉ quỹ sau khi Quỹ thành lập.

Vốn góp mua lại được phản ánh theo mệnh giá.

Thặng dư vốn góp của Nhà đầu tư

Thặng dư vốn thể hiện chênh lệch giữa giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ và mệnh giá đối với các chứng chỉ quỹ được phát hành/ mua lại.

Thặng dư vốn bao gồm: Thặng dư vốn phát hành và thặng dư vốn mua lại.

- Thặng dư vốn phát hành là chênh lệch giữa giá phát hành chứng chỉ quỹ và mệnh giá. Thặng dư vốn góp không phát sinh ở lần đầu phát hành chứng chỉ quỹ.
- Thặng dư vốn mua lại là chênh lệch giữa giá chứng chỉ quỹ mua lại và mệnh giá.

Lợi nhuận chưa phân phối

Lợi nhuận chưa phân phối phản ánh lãi/lỗ chưa phân phối tại thời điểm báo cáo, bao gồm lợi nhuận đã thực hiện và lợi nhuận chưa thực hiện.

Lợi nhuận đã thực hiện là số chênh lệch giữa tổng thu nhập, doanh thu, sau khi loại trừ phần chênh lệch tăng, giảm đánh giá lại các khoản đầu tư chưa thực hiện với tổng các khoản chi phí của Quỹ lũy kế phát sinh trong kỳ.

Lợi nhuận chưa thực hiện là số chênh lệch giữa tổng giá trị lãi, lỗ đánh giá lại của các khoản đầu tư thuộc danh mục đầu tư của Quỹ lũy kế phát sinh trong kỳ.

Cuối kỳ kế toán, Quỹ xác định lợi nhuận đã thực hiện và lợi nhuận chưa thực hiện trong kỳ và ghi nhận vào "Lợi nhuận chưa phân phối".

Lợi nhuận phân phối cho Nhà Đầu tư

Quỹ ghi nhận lợi nhuận/ tài sản phân phối cho Nhà Đầu tư dựa trên Nghị quyết của Đại hội nhà Đầu tư, phù hợp với Điều lệ quỹ và quy định của pháp luật chứng khoán hiện hành.

2.10 . Giá trị tài sản ròng của Quỹ và Giá trị tài sản ròng trên một Chứng chỉ quỹ

Giá trị tài sản ròng (NAV) của Quỹ được xác định bằng tổng giá trị tài sản trừ đi tổng nợ phải trả của Quỹ. Tổng giá trị tài sản của Quỹ được xác định theo giá trị thị trường hoặc giá trị hợp lý của tài sản của Quỹ (trong trường hợp không xác định được giá trị thị trường). Tổng nợ phải trả của Quỹ là các khoản nợ hoặc nghĩa vụ thanh toán của Quỹ tính đến ngày trước ngày định giá.

Phương pháp xác định giá thị trường, giá trị hợp lý các tài sản trong danh mục, giá trị các khoản nợ và nghĩa vụ thanh toán thực hiện theo nguyên tắc như nêu trên.

Giá trị tài sản ròng trên một Chứng chỉ quỹ

Giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ bằng giá trị tài sản ròng trên Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ của Quỹ chia cho tổng số chứng chỉ quỹ đang lưu hành tại ngày lập Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ.

2.11 . Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Quỹ có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế mà giá trị có thể xác định được một cách chắc chắn. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải đáp ứng trước khi ghi nhận doanh thu:

Tiền lãi (bao gồm lãi tiền gửi, lãi chứng chỉ tiền gửi và lãi trái phiếu)

Tiền lãi được ghi nhận là doanh thu trên cơ sở dồn tích có tính lãi đầu tư thực tế của tài sản trừ đi khả năng thu hồi tiền lãi là không chắc chắn.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản cổ tức của Quỹ với tư cách là cổ đông được xác lập. Cổ tức bằng cổ phiếu và các cổ phiếu thưởng nhận được không được ghi nhận là thu nhập của Quỹ mà chỉ cập nhật số lượng cổ phiếu để đánh giá lại theo giá thị trường hoặc giá trị hợp lý.

Lãi từ kinh doanh chứng khoán

Thu nhập từ các hoạt động kinh doanh chứng khoán được ghi nhận trong Báo cáo thu nhập khi nhận được thông báo giao dịch từ các Công ty chứng khoán và Ngân hàng giám sát (đối với chứng khoán đã niêm yết) và khi hoàn tất hợp đồng chuyển nhượng tài sản (đối với chứng khoán chưa niêm yết).

2.12 . Các khoản chi phí

Các khoản chi phí được hạch toán trên cơ sở dồn tích. Quỹ phát sinh một số chi phí chủ yếu bao gồm:

Giá dịch vụ quản lý trả cho Công ty Quản lý Quỹ

Giá dịch vụ quản lý là 1,2%/năm tính trên tổng Giá trị Tài sản ròng của Quỹ trước ngày định giá, được ghi nhận vào chi phí của Quỹ vào ngày định giá, và được thanh toán hàng tháng cho Công ty Quản lý Quỹ để thực hiện các dịch vụ quản lý quỹ đầu tư cho Quỹ. Số tiền dịch vụ trả hàng tháng là tổng số tiền được tính và trích lập cho các kỳ định giá trong tháng. Giá dịch vụ quản lý được tính theo công thức như sau:

Giá dịch vụ quản lý = 1,2% * Giá trị Tài sản Ròng tại ngày trước ngày định giá * Số ngày thực tế trong kỳ định giá/ Số ngày thực tế trong năm (365 hoặc 366).

Giá dịch vụ Ngân hàng giám Sát

Giá dịch vụ Ngân hàng giám sát là 0,02%/năm trên Tổng giá trị Tài sản ròng của Quỹ với mức tối thiểu là 5.000.000 VND (Năm triệu đồng) một tháng. Giá Dịch vụ Ngân hàng Giám sát được tính toán và cộng dồn hàng kỳ định giá và được thanh toán hàng tháng cho Ngân hàng Giám sát. Mức giá trên chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng (nếu có).

Giá dịch vụ Ngân hàng giám sát = 0,02% * Giá trị Tài sản ròng tại ngày trước ngày định giá * Số ngày thực tế trong kỳ định giá/ Số ngày thực tế trong năm (365 hoặc 366).

Giá dịch vụ Lưu Ký

Giá dịch vụ lưu ký là 0,06%/năm trên Tổng giá trị Tài sản Ròng của Quỹ với mức tối thiểu là 15.000.000 VND (Mười lăm triệu đồng) một tháng. Mức giá trên chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng (nếu có).

Giá dịch vụ lưu ký = 0,06% * Giá trị Tài sản Ròng tại ngày trước ngày định giá * Số ngày thực tế trong kỳ định giá/ Số ngày thực tế trong năm (365 hoặc 366).

Mức giá trên không bao gồm các phí/ giá dịch vụ thông thường khác như giá dịch vụ Ngân hàng lưu ký phải trả cho bên thứ ba như Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam, giá dịch vụ giao dịch chứng khoán, phí/giá sửa lệnh..., cụ thể:

Giá dịch vụ lưu ký xử lý giao dịch: 150.000 VND/1 giao dịch/1 mã chứng khoán/1 ngày.

Giá dịch vụ quản trị quỹ

Giá dịch vụ quản trị Quỹ là 0,03%/năm trên Tổng giá trị Tài sản Ròng của Quỹ với mức tối thiểu là 15.000.000 VND (Mười lăm triệu đồng) một tháng. Giá dịch vụ quản trị Quỹ được tính toán và cộng dồn hàng kỳ định giá và được thanh toán hàng tháng cho bên cung cấp dịch vụ quản trị quỹ. Mức giá trên chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng (nếu có).

Giá dịch vụ quản trị quỹ được tính theo công thức như sau:

Giá dịch vụ quản trị quỹ = 0,03% * Giá trị Tài sản Ròng tại ngày trước ngày định giá * Số ngày thực tế trong kỳ định giá/ Số ngày thực tế trong năm (365 hoặc 366).

Giá dịch vụ đại lý chuyển nhượng

Giá dịch vụ đại lý chuyển nhượng bao gồm giá cố định hàng tháng là 12.000.000 VND/tháng chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng. Tiền thiết lập, duy trì thông tin, tiền kết nối, tiền cung cấp thông tin được miễn. Mức giá trên chưa bao gồm các tiền khác như tiền gửi thư cho nhà đầu tư, tiền lập danh sách thực hiện quyền, tiền cung cấp thông tin đặc thù theo yêu cầu hoặc các công việc khác. Giá dịch vụ đại lý chuyển nhượng được phân bổ hàng kỳ vào mỗi kỳ định giá.

Trong mọi trường hợp, tổng giá dịch vụ quản lý quỹ, giá dịch vụ quản trị quỹ và giá dịch vụ đại lý chuyển nhượng phải đảm bảo tuân thủ mức tối đa 2%/năm tính trên giá trị tài sản ròng của Quỹ theo quy định của pháp luật.

Chi phí kiểm toán

Phí kiểm toán phụ thuộc vào kết quả lựa chọn và thương lượng với công ty kiểm toán và sẽ được xác định khi ký kết hợp đồng kiểm toán.

2.13 . Các chỉ tiêu ngoài báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ

Các chỉ tiêu ngoài báo cáo tình hình tài chính theo định nghĩa trong Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2012 về chế độ kế toán áp dụng đối với Quỹ mở được trình bày trong thuyết minh tương ứng của báo cáo tài chính này.

2.14 . Số dư bằng không

Các khoản mục hay số dư được quy định trong Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2012 về chế độ kế toán áp dụng đối với Quỹ mở không được thể hiện trong Báo cáo tài chính giữa niên độ thì được hiểu là có số dư bằng không.

2.15 . Thuế

Theo các quy định thuế hiện hành tại Việt Nam, Quỹ không thuộc đối tượng chịu thuế thu nhập doanh nghiệp. Tuy nhiên, Công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm khấu trừ thuế của các cá nhân và tổ chức tham gia trong các giao dịch sau:

Giao dịch trả cổ tức cho nhà đầu tư

Khi Quỹ trả cổ tức cho nhà đầu tư, Công ty Quản lý Quỹ phải tuân thủ quy định khấu trừ và nộp thuế theo Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18 tháng 6 năm 2014, Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 15 tháng 8 năm 2013, Thông tư số 92/2015/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2015 hướng dẫn thực hiện thuế giá trị gia tăng và thuế thu nhập cá nhân sửa đổi với cá nhân cư trú có hoạt động kinh doanh; hướng dẫn thực hiện một số nội dung sửa đổi, bổ sung về thuế thu nhập cá nhân quy định tại luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế số 71/2014/QH13 và Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các luật về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định về thuế; Thông tư số 96/2015/TT-BTC ngày 22 tháng 6 năm 2015 hướng dẫn về thuế thu nhập doanh nghiệp tại Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 2 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các luật về thuế và sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18 tháng 6 năm 2014; Thông tư số 119/2014/TT-BTC ngày 25 tháng 8 năm 2014; Thông tư số 151/2014/TT-BTC ngày 10 tháng 10 năm 2014 của Bộ Tài chính; Công văn số 10945/BTC-TCT ngày 19 tháng 8 năm 2010 về chính sách thuế đối với việc chia cổ tức cho tổ chức đầu tư.

Theo đó, khi Quỹ trả cổ tức cho các nhà đầu tư là tổ chức, không phân biệt tổ chức đầu tư trong nước hoặc nước ngoài, Công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm khấu trừ số thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 20% số cổ tức được chi trả (ngoại trừ phần lợi nhuận được phân phối mà đã chịu thuế thu nhập doanh nghiệp ở khâu trước và lãi trái phiếu thu được từ trái phiếu thuộc diện miễn thuế theo quy định của pháp luật). Đồng thời, khi Quỹ trả cổ tức cho nhà đầu tư là cá nhân, Công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm khấu trừ số thuế thu nhập cá nhân bằng 5% số cổ tức chi trả.

Giao dịch mua lại chứng chỉ quỹ

Công ty Quản lý Quỹ cũng có nghĩa vụ khấu trừ và nộp thuế đối với giao dịch mua lại chứng chỉ quỹ từ cá nhân (trong nước và nước ngoài) và giao dịch mua lại chứng chỉ quỹ từ những tổ chức được phân loại là tổ chức nước ngoài theo quy định về quản lý ngoại hối. Mức thuế áp dụng là thuế cho việc chuyển nhượng chứng khoán bằng 0,1% trên giá trị chuyển nhượng theo Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 15 tháng 8 năm 2013, Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18 tháng 6 năm 2014, Thông tư số 103/2014/TT-BTC ngày 6 tháng 8 năm 2014, Thông tư 92/2015/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2015 và Thông tư 25/2018/TT-BTC ngày 16 tháng 3 năm 2018 do Bộ Tài chính ban hành.

Công ty Quản lý Quỹ không giữ lại tiền thuế đối với giao dịch mua lại chứng chỉ quỹ từ nhà đầu tư là tổ chức trong nước do đó tổ chức trong nước tự chịu trách nhiệm kê khai và nộp thuế đối với phần thu nhập phát sinh từ giao dịch mua lại này.

2.16 . Các bên liên quan

Các bên/người được xem là có liên quan nếu một bên/người có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc đưa ra quyết định tài chính và hoạt động kinh doanh. Các bên cũng được xem là có liên quan nếu các bên cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc cùng chịu sự ảnh hưởng đáng kể chung. Các quỹ đầu tư khác dưới sự quản lý của Công ty Quản lý Quỹ, Công ty Quản lý Quỹ và những chức danh quản lý chủ chốt như Tổng Giám Đốc của Công ty Quản lý Quỹ, thành viên Ban Đại diện Quỹ, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này được xem là các bên liên quan với Quỹ. Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

3 . CỔ TỨC, TRÁI TỨC ĐƯỢC CHIA

	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023
	VND	VND
Lãi trái phiếu	10.463.292.123	15.789.353.998
	10.463.292.123	15.789.353.998

4 . TIỀN LÃI ĐƯỢC NHẬN

	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023
	VND	VND
Lãi tiền gửi ngân hàng	337.978.818	544.709
Lãi chứng chỉ tiền gửi	52.710.685	149.625.067
	390.689.503	150.169.776

5 . LÃI, LỖ BÁN CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ

	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024		
	Tổng giá trị bán trong năm	Giá vốn bình quân gia quyền tính đến cuối ngày giao dịch	Lãi/lỗ bán chứng khoản trong năm
	VND	VND	VND
Chứng chỉ tiền gửi	70.000.000.000	70.052.710.685	(52.710.685)
	70.000.000.000	70.052.710.685	(52.710.685)

	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023		
	Tổng giá trị bán trong năm	Giá vốn bình quân gia quyền tính đến cuối ngày giao dịch	Lãi/lỗ bán chứng khoán trong năm
	VND	VND	VND
Trái phiếu niêm yết	8.169.894.411	8.253.001.507	(83.107.096)
Trái phiếu chưa niêm yết	26.923.178.168	27.332.701.266	(409.523.098)
Chứng chỉ tiền gửi	314.014.030.236	313.963.274.625	50.755.611
	349.107.102.815	349.548.977.398	(441.874.583)

6 . CHÊNH LỆCH TĂNG, GIẢM ĐÁNH GIÁ LẠI CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ CHƯA THỰC HIỆN

	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024				
	Giá trị mua theo sổ kế toán tại ngày 30/06/2024 (VND)	Giá thị trường hoặc giá trị hợp lý tại ngày 30/06/2024 (VND)	Chênh lệch đánh giá lại kỳ này (kỳ NAV) (VND)	Chênh lệch đánh giá lại ngày 31/12/2023 (kỳ NAV) (VND)	Chênh lệch điều chỉnh sổ kế toán kỳ này (kỳ NAV) (VND)
Trái phiếu niêm yết	183.432.876.524	183.644.714.822	211.838.298	-	211.838.298
	183.432.876.524	183.644.714.822	211.838.298	-	211.838.298

	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023				
	Giá trị mua theo sổ kế toán tại ngày 30/06/2023 (VND)	Giá thị trường hoặc giá trị hợp lý tại ngày 30/06/2023 (VND)	Chênh lệch đánh giá lại kỳ này (kỳ NAV) (VND)	Chênh lệch đánh giá lại ngày 31/12/2022 (kỳ NAV) (VND)	Chênh lệch điều chỉnh sổ kế toán kỳ này (kỳ NAV) (VND)
Trái phiếu niêm yết	196.842.942.129	197.203.769.862	360.827.733	192.032.136	168.795.597
Trái phiếu chưa niêm yết	4.095.223.379	4.095.223.379	-	-	-
	200.938.165.508	201.298.993.241	360.827.733	192.032.136	168.795.597

7 . CHI PHÍ GIAO DỊCH MUA, BÁN CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ

	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 VND
Phí giao dịch trái phiếu	-	6.343.036
	-	6.343.036

8 . CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG KHÁC

	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023
	VND	VND
Phí ngân hàng	1.124.969	1.816.026
Phí quản lý thường niên	4.972.634	4.958.886
Chi thù lao Ban Đại diện Quỹ	77.100.000	84.000.000
	83.197.603	90.774.912

9 . TIỀN GỬI NGÂN HÀNG VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30/06/2024	31/12/2023
	VND	VND
Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động Quỹ mở	616.353.767	888.651.049
Tiền gửi của Nhà đầu tư về mua Chứng chỉ Quỹ	456.977.772	443.824.548
Tài khoản thanh toán tiền bán chứng chỉ quỹ cho Nhà đầu tư	17.714.126	11.726.610
Tiền gửi Ngân hàng có kỳ hạn không quá 3 tháng (*)	18.500.000.000	16.000.000.000
	19.591.045.665	17.344.202.207

(*) Tại ngày 30 tháng 06 năm 2024, tiền gửi có kỳ hạn nằm trong khoản mục tiền gửi ngân hàng bao gồm các khoản tiền gửi có thời hạn từ 01 tháng với lãi suất từ 3,7%/năm.

11 . CÁC KHOẢN PHẢI THU

	30/06/2024	31/12/2023
	VND	VND
Dự thu cổ tức	139.590.000	139.590.000
Dự thu tiền lãi - Trái phiếu niêm yết	26.140.939.800	16.207.338.491
Dự thu lãi tiền gửi, chứng chỉ tiền gửi	29.498.630	28.128.767
	26.310.028.430	16.375.057.258

12 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	30/06/2024	31/12/2023
	VND	VND
Chi phí kiểm toán	32.500.000	35.750.000
Chi phí quản lý thường niên	4.972.634	-
	37.472.634	35.750.000

13 . PHẢI TRẢ CHO NHÀ ĐẦU TƯ VỀ MUA CHỨNG CHỈ QUỸ

	30/06/2024	31/12/2023
	VND	VND
Phải trả cho nhà đầu tư về mua chứng chỉ quỹ	456.977.772	443.824.548
	456.977.772	443.824.548

Phải trả cho Nhà đầu tư Quỹ về mua chứng chỉ Quỹ thể hiện số tiền nhận được từ Nhà đầu tư về mua chứng chỉ Quỹ hợp lệ và chờ phát hành.

14 . PHẢI TRẢ CHO NHÀ ĐẦU TƯ VỀ MUA LẠI CHỨNG CHỈ QUỸ

	30/06/2024	31/12/2023
	VND	VND
Phải trả cho Nhà đầu tư về mua lại Chứng chỉ quỹ	17.714.126	11.726.610
	17.714.126	11.726.610

Phải trả cho Nhà đầu tư Quỹ về mua lại chứng chỉ Quỹ thể hiện số tiền phải trả cho Nhà đầu tư về mua lại chứng chỉ Quỹ hợp lệ chưa hoàn thành thủ tục thanh toán.

15 . PHẢI TRẢ DỊCH VỤ QUẢN LÝ QUỸ MỞ

	30/06/2024	31/12/2023
	VND	VND
Phải trả phí dịch vụ quản lý	228.346.171	216.203.467
Phải trả phí dịch vụ lưu ký	15.308.012	15.319.012
Phải trả phí dịch vụ giám sát	5.500.000	5.500.000
Phải trả phí dịch vụ quản trị	16.500.000	16.500.000
	265.654.183	253.522.479

16 . TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

	31/12/2022	Phát sinh trong kỳ	30/06/2023
	VND	VND	VND
Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023			
Vốn góp phát hành			
Số lượng (chứng chỉ quỹ)	507.865.525,67	415.953,68	508.281.479,35
Giá trị tài sản ròng/CCQ phát hành bình quân	12.613	13.057	12.614
Giá trị ghi theo mệnh giá	5.078.655.256.700	4.159.536.800	5.082.814.793.500
Thặng dư vốn	1.327.195.780.603	1.271.731.670	1.328.467.512.273
Tổng giá trị phát hành chứng chỉ quỹ	6.405.851.037.303	5.431.268.470	6.411.282.305.773
Vốn góp mua lại			
Số lượng (chứng chỉ quỹ)	487.242.397,43	3.932.883,34	491.175.280,77
Giá trị tài sản ròng/CCQ mua lại bình quân	12.838	12.820	12.838
Giá trị ghi theo mệnh giá	4.872.423.974.300	39.328.833.400	4.911.752.807.700
Thặng dư vốn	1.382.927.118.407	11.090.529.066	1.394.017.647.473
Tổng giá trị mua lại chứng chỉ quỹ	6.255.351.092.707	50.419.362.466	6.305.770.455.173
Số lượng chứng chỉ quỹ hiện hành	20.623.128,24	(3.516.929,66)	17.106.198,58
Giá trị vốn góp hiện hành	150.499.944.596	(44.988.093.996)	105.511.850.600
Lợi nhuận chưa phân phối	110.584.842.822	13.844.111.028	124.428.953.850
Giá trị tài sản ròng của Quỹ	261.084.787.418		229.940.804.450
Giá trị tài sản ròng trên 1 chứng chỉ quỹ	12.660		13.442
	31/12/2023	Phát sinh trong kỳ	30/06/2024
	VND	VND	VND
Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024			
Vốn góp phát hành			
Số lượng (chứng chỉ quỹ)	510.102.524,87	3.343.880,69	513.446.405,56
Giá trị tài sản ròng/CCQ phát hành bình quân	12.618	14.313	12.629
Giá trị ghi theo mệnh giá	5.101.025.248.700	33.438.806.900	5.134.464.055.600
Thặng dư vốn	1.335.469.099.858	14.423.639.426	1.349.892.739.284
Tổng giá trị phát hành chứng chỉ quỹ	6.436.494.348.558	47.862.446.326	6.484.356.794.884
Vốn góp mua lại			
Số lượng (chứng chỉ quỹ)	494.704.642,62	3.113.512	497.818.154,65
Giá trị tài sản ròng/CCQ mua lại bình quân	12.844	14.370	12.854
Giá trị ghi theo mệnh giá	4.947.046.426.200	31.135.120.300	4.978.181.546.500
Thặng dư vốn	1.406.996.298.324	13.605.041.450	1.420.601.339.774
Tổng giá trị mua lại chứng chỉ quỹ	6.354.042.724.524	44.740.161.750	6.398.782.886.274
Số lượng chứng chỉ quỹ hiện hành	15.397.882,25	230.368,66	15.628.250,91
Giá trị vốn góp hiện hành	82.451.624.034	3.122.284.576	85.573.908.610
Lợi nhuận chưa phân phối	133.955.688.318	9.238.373.274	143.194.061.592
Giá trị tài sản ròng của Quỹ	216.407.312.352		228.767.970.202
Giá trị tài sản ròng trên 1 chứng chỉ quỹ	14.054		14.638

17 . LỢI NHUẬN CHƯA PHÂN PHỐI

	30/06/2024 VND	31/12/2023 VND
Lợi nhuận đã thực hiện	142.982.223.294	133.955.688.318
Lợi nhuận chưa thực hiện	211.838.298	-
	<u>143.194.061.592</u>	<u>133.955.688.318</u>

18 . MỘT SỐ CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH QUỸ MỞ

Chỉ tiêu	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023
Tỷ lệ chi phí hoạt động (%)	1,56%	1,57%
Tốc độ vòng quay danh mục (%)	30,82%	142,46%

Tỷ lệ chi phí hoạt động

Tỷ lệ chi phí là: Tỷ lệ đánh giá chi phí Quỹ mở tính cho 1 đơn vị giá trị tài sản ròng.

Tỷ lệ chi phí hoạt động (%) = Tổng chi phí hoạt động * 2 * 100 (%) / Giá trị tài sản ròng (NAV) trung bình trong kỳ.

Những chi phí không bao gồm tính trong chi phí hoạt động của Chỉ tiêu Tỷ lệ chi phí hoạt động, gồm:

- Chi phí lãi vay;
- Chi phí lãi, lỗ tỷ giá hối đoái của Quỹ mở (Bao gồm đã thực hiện và chưa thực hiện);
- Thuế khấu trừ tại nguồn đối với thu nhập của các Nhà đầu tư hoặc thuế phát sinh từ các khoản thu nhập đã nộp (Thuế Thu nhập doanh nghiệp), bao gồm cả Thuế Nhà thầu;
- Chi phí mua, chi phí bán Chứng chỉ quỹ và các chi phí khác phát sinh từ việc mua, bán Chứng chỉ quỹ.
- Các khoản cổ tức và các khoản phân phối khác đã trả cho Nhà đầu tư.

Tốc độ vòng quay danh mục

Tốc độ vòng quay danh mục là số quay vòng tài sản đầu tư của Quỹ mở trong 1 kỳ (kỳ tính giá trị tài sản ròng hoặc kỳ kế toán).

Tốc độ vòng quay danh mục (%) = (Tổng giá trị mua trong kỳ + Tổng giá trị bán trong kỳ) / 2 * 100 (%) / Giá trị tài sản ròng (NAV) trung bình trong kỳ.

19 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quỹ có các khoản đầu tư vào chứng khoán niêm yết, các khoản phải thu, chứng chỉ tiền gửi và tiền gửi ngân hàng ngắn hạn phát sinh trực tiếp từ hoạt động của Quỹ. Nợ phải trả tài chính của Quỹ chủ yếu bao gồm các khoản phải trả đại lý phân phối chứng chỉ quỹ, phải trả nhà cung cấp dịch vụ, phải trả cho nhà đầu tư và phải trả dịch vụ quản lý quỹ. Quỹ không nắm giữ hay phát hành công cụ tài chính phái sinh.

Quỹ có rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Công ty Quản lý Quỹ đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ liên tục theo dõi quy trình quản lý rủi ro của Quỹ để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Ban Đại diện Quỹ xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Giá thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro giá hàng hóa và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản tiền gửi, chứng chỉ tiền gửi các khoản chứng khoán đầu tư.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Quý chủ yếu liên quan đến tiền và tiền gửi ngân hàng của Quý. Những tài sản này có tính thanh khoản cao và không được Quý nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc chờ tăng giá.

Công ty Quản lý Quỹ quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Quý và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Công ty Quản lý Quỹ tin rằng rủi ro lãi suất không có ảnh hưởng đáng kể đến kết quả hoạt động của Quý.

Độ nhạy đối với lãi suất

Quý không áp dụng phương pháp phân tích độ nhạy đối với lãi suất do Quý có rủi ro lãi suất rất nhỏ tại ngày lập báo cáo tài chính.

Rủi ro tiền tệ

Quý không có rủi ro tiền tệ do trong kỳ, Quý không thực hiện các giao dịch bằng ngoại tệ.

Rủi ro về giá cổ phiếu và trái phiếu niêm yết

Các trái phiếu đã niêm yết do Quý nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của chứng khoán đầu tư. Quý quản lý rủi ro về giá trái phiếu niêm yết bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Ban Đại diện của Quý xem xét và phê duyệt tất cả các quyết định đầu tư vào cổ phiếu và trái phiếu niêm yết.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Quý có rủi ro tín dụng từ hoạt động đầu tư tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác.

Công ty Quản lý Quỹ đánh giá rằng rủi ro tín dụng của Quý ở mức thấp vì các khoản tiền gửi, các khoản phải thu là lãi tiền gửi chưa đến hạn tại các Ngân hàng có uy tín hoạt động tại Việt Nam đã được Ban Đại diện Quý phê duyệt và tài sản tài chính đều trong hạn và không bị suy giảm vì các tài sản tài chính này đều liên quan đến các khách hàng có uy tín và có khả năng thanh toán tốt.

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Quỹ gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Quỹ chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty Quản lý Quỹ thường xuyên đánh giá các yêu cầu về thanh toán, phân tích thời gian ra/vào của các luồng tiền và giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền gửi ngân hàng ở mức mà Ban Đại diện cho là đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Quỹ và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

20 . XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG

Giá trị tài sản ròng cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023 như sau:

STT	Ngày định giá	Giá trị tài sản ròng		NAV/CCQ tại ngày tính NAV	Tăng/(giảm) NAV/CCQ
		VND	CCQ		
1	01/01/2023	261.084.787.418	20.623.128,24	12.660	
2	03/01/2023	261.175.680.679	20.623.128,24	12.664	4
3	04/01/2023	259.872.972.348	20.513.889,66	12.668	4
4	05/01/2023	259.375.292.574	20.470.084,50	12.671	3
5	08/01/2023	256.970.390.763	20.275.765,09	12.674	3
6	09/01/2023	256.486.558.848	20.233.339,19	12.676	2
7	10/01/2023	248.747.841.897	19.613.073,22	12.683	7
8	11/01/2023	247.993.342.560	19.559.911,13	12.679	(4)
9	12/01/2023	247.060.038.148	19.494.949,92	12.673	(6)
10	15/01/2023	246.374.817.213	19.434.576,01	12.677	4
11	16/01/2023	245.931.953.466	19.387.559,31	12.685	8
12	17/01/2023	245.935.878.358	19.387.162,30	12.686	1
13	18/01/2023	245.798.106.327	19.367.917,04	12.691	5
14	24/01/2023	245.525.680.560	19.341.920,00	12.694	3
15	26/01/2023	244.102.557.072	19.192.043,29	12.719	25
16	29/01/2023	244.277.065.522	19.192.043,29	12.728	9
17	30/01/2023	244.573.810.049	19.194.980,51	12.742	14
18	31/01/2023	244.558.318.024	19.197.328,39	12.739	(3)
19	01/02/2023	244.624.743.545	19.195.784,15	12.744	5
20	02/02/2023	243.919.504.396	19.136.160,53	12.747	3
21	05/02/2023	241.407.316.167	18.934.894,44	12.749	2
22	06/02/2023	241.636.410.315	18.935.097,10	12.761	12
23	07/02/2023	240.087.684.151	18.807.135,64	12.766	5
24	08/02/2023	239.774.360.483	18.776.002,50	12.770	4
25	09/02/2023	239.312.730.049	18.745.733,61	12.766	(4)
26	12/02/2023	239.295.769.193	18.737.808,13	12.771	5
27	13/02/2023	239.556.849.023	18.737.956,33	12.785	14
28	14/02/2023	239.539.070.737	18.741.031,46	12.782	(3)
29	15/02/2023	239.959.049.283	18.756.333,94	12.793	11
30	16/02/2023	240.001.975.360	18.758.522,96	12.794	1
31	19/02/2023	239.937.302.947	18.746.895,82	12.799	5
32	20/02/2023	240.333.018.408	18.746.580,85	12.820	21
33	21/02/2023	240.235.154.182	18.742.532,17	12.818	(2)
34	22/02/2023	240.522.316.279	18.757.688,57	12.823	5
35	23/02/2023	240.482.675.815	18.747.232,49	12.828	5
36	26/02/2023	240.520.257.940	18.742.921,14	12.833	5

STT	Ngày định giá	Giá trị tài sản ròng		Số lượng chứng chỉ quỹ	NAV/CCQ tại ngày tính NAV		Tăng/(giảm) NAV/CCQ
		VND	VND		VND	VND	
37	27/02/2023	240.448.451.372	18.713.363,24	18.713.363,24	12.849	16	
38	28/02/2023	240.499.503.049	18.706.626,29	18.706.626,29	12.856	7	
39	01/03/2023	240.376.179.673	18.692.877,81	18.692.877,81	12.859	3	
40	02/03/2023	240.413.657.900	18.689.228,82	18.689.228,82	12.864	5	
41	05/03/2023	240.506.934.327	18.689.919,00	18.689.919,00	12.868	4	
42	06/03/2023	240.748.401.099	18.689.010,22	18.689.010,22	12.882	14	
43	07/03/2023	239.591.599.299	18.603.930,41	18.603.930,41	12.879	(3)	
44	08/03/2023	234.836.113.311	18.238.771,45	18.238.771,45	12.876	(3)	
45	09/03/2023	225.899.207.156	17.541.082,88	17.541.082,88	12.878	2	
46	12/03/2023	225.994.147.528	17.542.199,68	17.542.199,68	12.883	5	
47	13/03/2023	225.286.290.393	17.469.256,93	17.469.256,93	12.896	13	
48	14/03/2023	225.438.525.293	17.474.833,88	17.474.833,88	12.901	5	
49	15/03/2023	225.364.233.663	17.474.427,53	17.474.427,53	12.897	(4)	
50	16/03/2023	225.219.710.969	17.448.330,67	17.448.330,67	12.908	11	
51	19/03/2023	224.303.224.708	17.362.723,56	17.362.723,56	12.919	11	
52	20/03/2023	224.540.299.083	17.362.671,66	17.362.671,66	12.932	13	
53	21/03/2023	224.546.439.600	17.362.752,04	17.362.752,04	12.933	1	
54	22/03/2023	224.693.881.238	17.357.820,96	17.357.820,96	12.945	12	
55	23/03/2023	224.834.191.386	17.362.538,59	17.362.538,59	12.949	4	
56	26/03/2023	224.989.077.225	17.352.431,71	17.352.431,71	12.966	17	
57	27/03/2023	225.064.877.251	17.350.813,66	17.350.813,66	12.971	5	
58	28/03/2023	225.128.156.599	17.349.592,33	17.349.592,33	12.976	5	
59	29/03/2023	225.528.493.092	17.374.339,26	17.374.339,26	12.981	5	
60	30/03/2023	225.605.060.665	17.374.135,29	17.374.135,29	12.985	4	
61	31/03/2023	225.586.784.457	17.366.627,26	17.366.627,26	12.990	5	
62	02/04/2023	225.688.348.837	17.362.922,29	17.362.922,29	12.998	8	
63	03/04/2023	225.846.621.558	17.362.922,29	17.362.922,29	13.007	9	
64	04/04/2023	225.912.279.649	17.361.886,10	17.361.886,10	13.012	5	
65	05/04/2023	225.972.888.435	17.360.462,13	17.360.462,13	13.017	5	
66	06/04/2023	226.185.422.441	17.359.303,36	17.359.303,36	13.030	13	
67	09/04/2023	225.652.901.098	17.312.360,39	17.312.360,39	13.034	4	
68	10/04/2023	225.464.560.709	17.279.693,40	17.279.693,40	13.048	14	
69	11/04/2023	225.546.576.141	17.279.913,20	17.279.913,20	13.053	5	
70	12/04/2023	225.709.685.856	17.281.082,46	17.281.082,46	13.061	8	
71	13/04/2023	225.796.790.906	17.281.692,20	17.281.692,20	13.066	5	
72	16/04/2023	225.777.927.742	17.274.191,50	17.274.191,50	13.070	4	
73	17/04/2023	225.882.121.365	17.263.999,28	17.263.999,28	13.084	14	
74	18/04/2023	225.612.000.989	17.264.597,08	17.264.597,08	13.068	(16)	
75	19/04/2023	225.686.608.063	17.264.249,86	17.264.249,86	13.072	4	
76	20/04/2023	225.762.586.405	17.264.007,91	17.264.007,91	13.077	5	
77	23/04/2023	225.448.654.496	17.223.602,94	17.223.602,94	13.090	13	
78	24/04/2023	225.585.951.246	17.215.952,91	17.215.952,91	13.103	13	
79	25/04/2023	224.644.428.784	17.138.054,67	17.138.054,67	13.108	5	
80	26/04/2023	224.686.850.405	17.135.208,16	17.135.208,16	13.113	5	
81	27/04/2023	224.770.689.319	17.135.563,96	17.135.563,96	13.117	4	
82	30/04/2023	224.861.884.166	17.125.823,99	17.125.823,99	13.130	13	
83	02/05/2023	225.329.163.550	17.126.550,95	17.126.550,95	13.157	27	

STT	Ngày định giá	Giá trị tài sản ròng		Số lượng chứng chỉ quỹ	NAV/CCQ tại ngày		Tăng/(giảm) NAV/CCQ
		VND	CCQ		tính NAV	VND	
84	03/05/2023	225.489.241.676	17.126.550,95	13.166	9		
85	04/05/2023	225.569.278.391	17.126.550,95	13.171	5		
86	07/05/2023	225.643.320.204	17.126.095,87	13.175	4		
87	08/05/2023	225.693.443.685	17.111.676,25	13.189	14		
88	09/05/2023	225.839.197.882	17.116.659,58	13.194	5		
89	10/05/2023	225.742.042.402	17.103.229,75	13.199	5		
90	11/05/2023	225.687.871.980	17.093.611,78	13.203	4		
91	14/05/2023	225.238.941.227	17.063.557,17	13.200	(3)		
92	15/05/2023	225.179.757.732	17.031.568,14	13.221	21		
93	16/05/2023	225.350.129.867	17.031.743,63	13.231	10		
94	17/05/2023	225.382.261.414	17.034.685,90	13.231	-		
95	18/05/2023	225.532.559.415	17.034.417,99	13.240	9		
96	21/05/2023	225.542.593.695	17.032.860,58	13.242	2		
97	22/05/2023	226.011.006.584	17.040.944,60	13.263	21		
98	23/05/2023	226.060.252.331	17.038.778,89	13.267	4		
99	24/05/2023	226.243.339.963	17.044.916,79	13.273	6		
100	25/05/2023	226.300.866.022	17.044.884,79	13.277	4		
101	28/05/2023	226.375.037.978	17.044.558,09	13.281	4		
102	29/05/2023	226.531.772.499	17.044.539,03	13.291	10		
103	30/05/2023	226.622.227.162	17.045.572,73	13.295	4		
104	31/05/2023	226.755.363.391	17.049.816,75	13.300	5		
105	01/06/2023	226.842.767.316	17.050.649,00	13.304	4		
106	04/06/2023	226.955.979.109	17.047.556,82	13.313	9		
107	05/06/2023	227.292.969.888	17.048.387,18	13.332	19		
108	06/06/2023	227.377.687.226	17.052.349,22	13.334	2		
109	07/06/2023	227.509.582.194	17.045.240,68	13.347	13		
110	08/06/2023	227.684.515.359	17.051.392,67	13.353	6		
111	11/06/2023	227.764.775.126	17.052.026,20	13.357	4		
112	12/06/2023	228.280.235.253	17.070.193,13	13.373	16		
113	13/06/2023	228.266.833.783	17.065.483,50	13.376	3		
114	14/06/2023	228.560.105.602	17.080.304,10	13.382	6		
115	15/06/2023	228.615.975.727	17.078.250,82	13.386	4		
116	18/06/2023	228.660.736.202	17.079.030,06	13.388	2		
117	19/06/2023	229.079.578.306	17.093.208,02	13.402	14		
118	20/06/2023	229.176.577.678	17.094.749,50	13.406	4		
119	21/06/2023	229.203.088.294	17.097.169,78	13.406	-		
120	22/06/2023	229.282.055.403	17.097.365,81	13.410	4		
121	25/06/2023	229.349.075.096	17.100.746,24	13.412	2		
122	26/06/2023	229.659.803.194	17.103.895,60	13.427	15		
123	27/06/2023	229.779.902.086	17.106.503,97	13.432	5		
124	28/06/2023	229.579.423.656	17.096.477,88	13.428	(4)		
125	29/06/2023	229.791.282.184	17.105.143,29	13.434	6		
126	30/06/2023	229.875.988.241	17.105.526,91	13.439	5		
127	01/07/2023	229.940.804.450	17.106.198,58	13.442	3		

Giá trị tài sản ròng bình quân trong kỳ	232.878.403.776
Biến động Giá trị tài sản ròng trên 1 đơn vị chứng chỉ quỹ trong kỳ	
- Mức thấp nhất trong kỳ	-
- Mức cao nhất trong kỳ	27

Giá trị tài sản ròng cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024 như sau:

STT	Ngày định giá	Giá trị tài sản ròng VND	Số lượng chứng chỉ quỹ CCQ	NAV/CCQ tại	Tăng/(giảm) NAV/CCQ VND
				ngày tính NAV VND	
1	01/01/2024	216.407.312.352	15.397.882,25	14.054	
2	02/01/2024	216.457.151.823	15.397.882,25	14.058	4
3	03/01/2024	216.361.863.030	15.387.558,26	14.061	7
4	04/01/2024	217.545.228.485	15.468.174,67	14.064	3
5	05/01/2024	218.927.681.896	15.562.937,20	14.067	3
6	08/01/2024	219.105.629.556	15.565.026,52	14.077	10
7	09/01/2024	219.262.179.759	15.572.141,98	14.080	3
8	10/01/2024	219.564.807.997	15.589.623,59	14.084	4
9	11/01/2024	220.427.102.509	15.646.840,17	14.088	4
10	12/01/2024	220.625.057.035	15.658.089,97	14.090	2
11	15/01/2024	221.572.634.076	15.712.880,27	14.101	11
12	16/01/2024	221.584.065.546	15.712.548,87	14.102	1
13	17/01/2024	222.705.164.818	15.788.507,25	14.106	4
14	18/01/2024	222.996.732.886	15.805.638,01	14.109	3
15	19/01/2024	223.236.753.415	15.819.112,16	14.112	3
16	22/01/2024	218.529.627.285	15.474.989,36	14.121	9
17	23/01/2024	218.812.186.986	15.491.465,43	14.125	4
18	24/01/2024	219.906.626.499	15.565.417,13	14.128	3
19	25/01/2024	220.172.709.451	15.580.721,85	14.131	3
20	26/01/2024	220.209.944.392	15.579.794,57	14.134	3
21	29/01/2024	220.459.472.661	15.586.869,14	14.144	10
22	30/01/2024	220.711.844.785	15.601.189,72	14.147	3
23	31/01/2024	221.359.695.819	15.643.463,34	14.150	3
24	01/02/2024	221.483.701.329	15.648.731,88	14.153	3
25	02/02/2024	221.712.830.427	15.661.413,40	14.157	4
26	05/02/2024	222.021.788.290	15.672.723,78	14.166	9
27	06/02/2024	221.510.448.850	15.633.122,29	14.169	3
28	07/02/2024	222.098.685.365	15.671.134,46	14.172	3
29	14/02/2024	223.572.647.018	15.750.649,13	14.195	23
30	15/02/2024	223.622.229.278	15.750.649,13	14.198	3
31	16/02/2024	223.713.930.385	15.753.623,92	14.201	3
32	19/02/2024	224.652.274.289	15.809.256,70	14.210	9
33	20/02/2024	224.846.915.097	15.819.475,62	14.213	3
34	21/02/2024	225.252.717.846	15.844.549,88	14.216	3
35	22/02/2024	225.419.232.092	15.852.787,31	14.220	4
36	23/02/2024	225.672.126.955	15.867.084,60	14.223	3
37	26/02/2024	226.407.598.108	15.908.269,74	14.232	9
38	27/02/2024	226.786.159.294	15.931.379,75	14.235	3
39	28/02/2024	225.584.411.767	15.843.466,06	14.238	3
40	29/02/2024	221.069.028.051	15.522.921,27	14.241	3
41	01/03/2024	220.480.306.466	15.471.183,73	14.251	10

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ MB

QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU MB

Tầng 12, Toà nhà 21 Cát Linh, Phường Cát Linh,

Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ

cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024

đến ngày 30/06/2024

STT	Ngày định giá	Giá trị tài sản ròng VND	Số lượng	NAV/CCQ tại ngày	Tăng/(giảm)
			chứng chỉ quỹ CCQ	tính NAV VND	NAV/CCQ VND
42	04/03/2024	221.090.291.720	15.503.571,12	14.261	10
43	05/03/2024	221.437.403.932	15.524.442,10	14.264	3
44	06/03/2024	222.063.023.344	15.564.835,12	14.267	3
45	07/03/2024	222.597.514.747	15.598.838,75	14.270	3
46	08/03/2024	222.909.171.964	15.617.215,29	14.273	3
47	11/03/2024	223.354.916.444	15.638.061,30	14.283	10
48	12/03/2024	223.497.696.688	15.644.585,34	14.286	3
49	13/03/2024	223.565.890.504	15.640.990,55	14.294	8
50	14/03/2024	224.867.000.873	15.728.540,87	14.297	3
51	15/03/2024	225.502.241.526	15.769.500,30	14.300	3
52	18/03/2024	225.876.001.508	15.785.292,78	14.309	9
53	19/03/2024	226.677.801.037	15.837.882,93	14.312	3
54	20/03/2024	227.077.013.615	15.862.333,30	14.315	3
55	21/03/2024	227.212.807.973	15.868.377,69	14.319	4
56	22/03/2024	227.436.091.290	15.880.530,77	14.322	3
57	25/03/2024	227.651.311.572	15.885.246,14	14.331	9
58	26/03/2024	227.149.978.668	15.846.783,53	14.334	3
59	27/03/2024	227.337.510.849	15.856.430,91	14.337	3
60	28/03/2024	227.651.886.149	15.874.924,43	14.340	3
61	29/03/2024	227.658.712.208	15.871.967,30	14.343	3
62	01/04/2024	227.767.060.737	15.869.249,58	14.353	10
63	02/04/2024	227.422.029.551	15.841.784,91	14.356	3
64	03/04/2024	227.576.688.614	15.849.136,27	14.359	3
65	04/04/2024	227.969.952.053	15.873.101,03	14.362	3
66	05/04/2024	228.301.409.650	15.892.758,18	14.365	3
67	08/04/2024	228.710.295.893	15.910.962,90	14.374	9
68	09/04/2024	228.997.908.862	15.927.554,87	14.377	3
69	10/04/2024	229.453.165.607	15.955.804,55	14.381	4
70	11/04/2024	229.363.036.510	15.946.122,60	14.384	3
71	12/04/2024	229.618.396.709	15.960.448,61	14.387	3
72	15/04/2024	230.320.152.433	15.998.929,01	14.396	9
73	16/04/2024	230.455.640.326	16.003.082,95	14.401	5
74	17/04/2024	230.808.666.604	16.024.168,60	14.404	3
75	19/04/2024	228.995.735.888	15.892.129,05	14.409	5
76	22/04/2024	229.420.478.875	15.911.319,72	14.419	10
77	23/04/2024	229.962.413.698	15.945.470,87	14.422	3
78	24/04/2024	230.403.810.422	15.972.644,62	14.425	3
79	25/04/2024	230.211.607.842	15.955.888,89	14.428	3
80	26/04/2024	230.267.558.390	15.956.298,67	14.431	3
81	01/05/2024	230.738.557.566	15.971.819,30	14.447	16
82	02/05/2024	230.788.100.643	15.971.819,30	14.450	3
83	03/05/2024	230.669.144.405	15.960.158,10	14.453	3
84	06/05/2024	231.471.363.310	16.005.382,77	14.462	9
85	07/05/2024	231.754.648.081	16.014.640,54	14.471	9
86	08/05/2024	232.612.846.834	16.070.525,40	14.475	4
87	09/05/2024	232.637.861.886	16.068.834,79	14.478	3
88	10/05/2024	232.695.938.039	16.069.554,73	14.481	3

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ MB

QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU MB

Tầng 12, Toà nhà 21 Cát Linh, Phường Cát Linh,

Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ

cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024

đến ngày 30/06/2024

STT	Ngày định giá	Giá trị tài sản ròng VND	Số lượng chứng chỉ quỹ CCQ	NAV/CCQ tại ngày	Tăng/(giảm)
				tính NAV VND	NAV/CCQ VND
89	13/05/2024	232.618.502.539	16.054.393,48	14.489	8
90	14/05/2024	232.871.410.486	16.068.987,87	14.492	3
91	15/05/2024	232.976.927.954	16.072.884,21	14.495	3
92	16/05/2024	233.199.598.849	16.084.843,50	14.498	3
93	17/05/2024	233.845.338.717	16.131.637,79	14.496	(2)
94	20/05/2024	233.931.546.494	16.127.263,56	14.505	9
95	21/05/2024	234.198.628.739	16.142.290,65	14.508	3
96	22/05/2024	234.374.532.627	16.150.978,35	14.511	3
97	23/05/2024	234.785.244.883	16.173.606,78	14.517	6
98	24/05/2024	234.471.230.689	16.145.321,18	14.523	6
99	27/05/2024	234.898.823.541	16.164.453,85	14.532	9
100	28/05/2024	234.858.976.628	16.158.440,08	14.535	3
101	29/05/2024	235.264.388.838	16.182.909,39	14.538	3
102	30/05/2024	230.798.924.072	15.872.399,00	14.541	3
103	31/05/2024	230.989.040.615	15.882.885,41	14.543	2
104	01/06/2024	231.124.640.234	15.888.431,08	14.547	4
105	03/06/2024	231.224.247.780	15.888.431,08	14.553	6
106	04/06/2024	231.950.010.246	15.941.228,07	14.550	(3)
107	05/06/2024	232.044.569.054	15.946.439,91	14.551	1
108	06/06/2024	232.442.755.590	15.964.408,78	14.560	9
109	07/06/2024	232.495.947.606	15.970.654,10	14.558	(2)
110	10/06/2024	233.133.939.867	15.998.381,42	14.572	14
111	11/06/2024	233.460.926.590	16.022.829,09	14.571	(1)
112	12/06/2024	233.281.635.955	16.001.399,18	14.579	8
113	13/06/2024	233.305.276.098	15.999.641,51	14.582	3
114	14/06/2024	233.411.018.461	16.003.511,97	14.585	3
115	17/06/2024	233.536.050.439	16.002.274,32	14.594	9
116	18/06/2024	233.597.227.857	16.002.753,97	14.597	3
117	19/06/2024	233.091.319.894	15.964.679,04	14.600	3
118	20/06/2024	233.165.463.831	15.966.341,88	14.604	4
119	21/06/2024	233.390.408.024	15.978.460,75	14.607	3
120	24/06/2024	233.475.932.783	15.980.541,45	14.610	3
121	25/06/2024	233.489.146.126	15.978.033,45	14.613	3
122	26/06/2024	228.919.285.807	15.655.695,14	14.622	9
123	27/06/2024	228.388.214.924	15.616.040,77	14.625	3
124	28/06/2024	228.439.516.094	15.616.155,98	14.628	3
125	01/07/2024	228.767.970.202	15.628.250,91	14.638	10

Giá trị tài sản ròng bình quân trong kỳ

227.312.230.594

Biến động Giá trị tài sản ròng trên 1 đơn vị chứng chỉ quỹ trong kỳ

- Mức thấp nhất trong kỳ

1

- Mức cao nhất trong kỳ

23

21 . SỐ LƯỢNG CHỨNG CHỈ QUỸ ĐANG LƯU HÀNH

	<u>30/06/2024</u>	<u>31/12/2023</u>
	CCQ	CCQ
Số lượng Chứng chỉ Quỹ đang lưu hành	15.628.250,91	15.397.882,25

22 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính giữa niên độ.

23 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách và mối quan hệ giữa các bên liên quan có phát sinh giao dịch với Quỹ như sau:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Ban đại diện Quỹ	Ban đại diện Quỹ
Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư MB	Công ty Quản lý Quỹ đầu tư
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành	Ngân hàng giám sát

Quỹ có các giao dịch phát sinh trong kỳ và số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán với các bên liên quan như sau:

Giao dịch phát sinh trong kỳ:

	<u>Từ 01/01/2024</u> <u>đến 30/06/2024</u>	<u>Từ 01/01/2023</u> <u>đến 30/06/2023</u>
	VND	VND
Phí dịch vụ quản lý, giám sát, quản trị, giao dịch và lưu ký quỹ	1.580.488.362	1.610.265.812
Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư MB	1.356.530.287	1.385.892.133
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành	223.958.075	224.373.679
Phí ngân hàng	1.124.969	1.816.026
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành	1.124.969	1.816.026
Lãi tiền gửi	5.021.284	544.709
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành	5.021.284	544.709

Số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán:

	<u>30/06/2024</u>	<u>31/12/2023</u>
	VND	VND
Phải thu lãi tiền gửi có kỳ hạn	-	9.117.808
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành	-	9.117.808
Phải trả về phí quản lý Quỹ mở	228.346.171	216.203.467
Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư MB	228.346.171	216.203.467
Phải trả về phí dịch vụ giám sát, quản trị, giao dịch và lưu ký quỹ	37.308.012	37.319.012
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành	37.308.012	37.319.012
Tiền gửi thanh toán và tiền gửi phong tỏa	616.353.767	888.651.049
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành	616.353.767	888.651.049
Tiền gửi của Nhà đầu tư về mua bán chứng chỉ quỹ	474.691.898	455.551.158
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành	474.691.898	455.551.158
Tiền gửi có kỳ hạn	-	4.000.000.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành	-	4.000.000.000
Thù lao của Ban đại diện Quỹ	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 VND
Thù lao của Ban đại diện Quỹ	77.100.000	84.000.000

Ngoài giao dịch với bên liên quan nêu trên, các bên liên quan khác không phát sinh giao dịch trong kỳ kế toán và không có số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán với Quỹ đầu tư.

